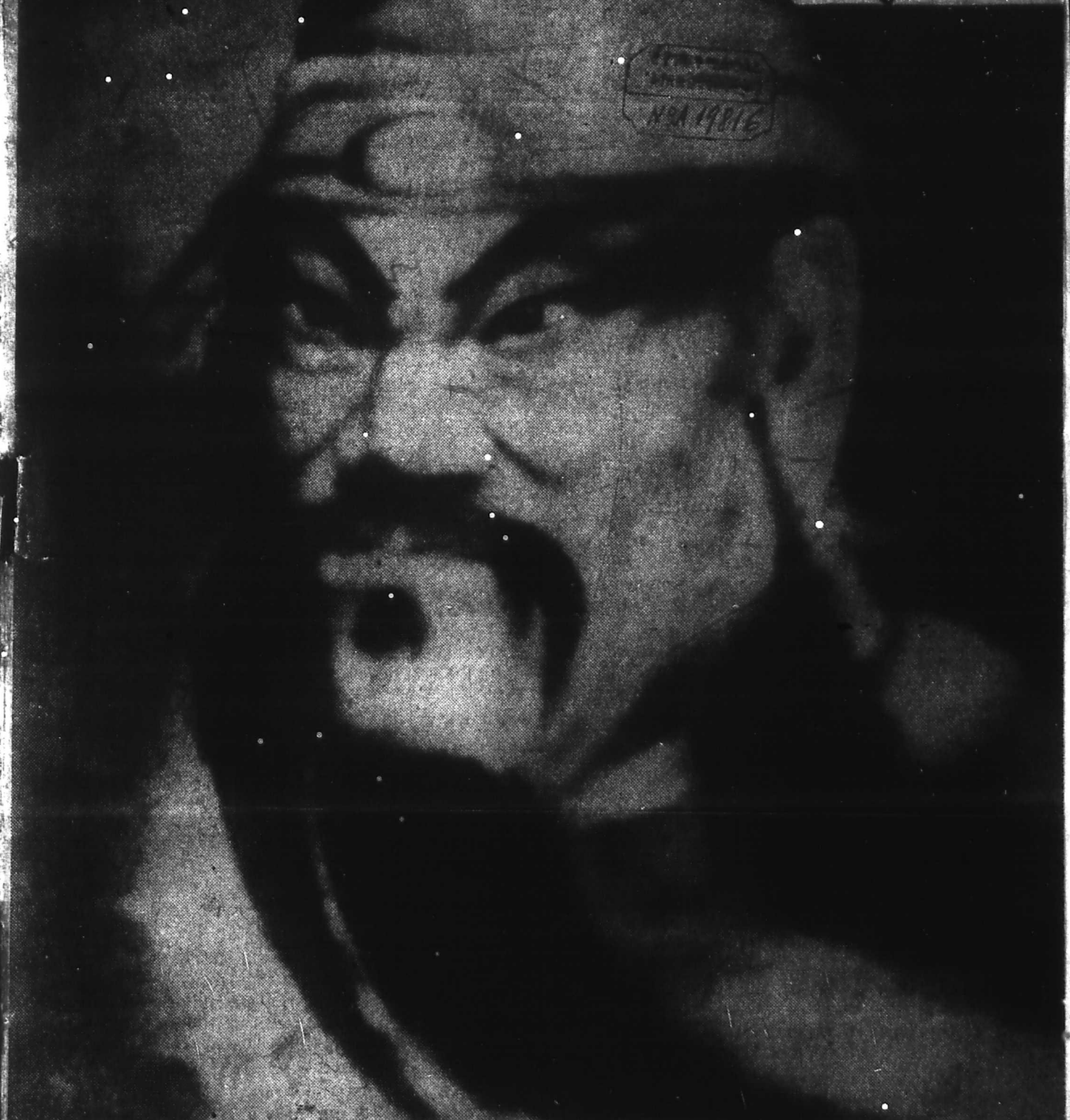


TRUNG-BÁC CHỦ NHẬT



Rep. Võ an-Ninh

86 115 - 016 : 0320 - 14 Juin 1942

NG. DOAN VUONG CHỦ-TRƯỞNG

MỘT BỨC ẢNH THỰC CỦA QUAN - CÔNG ?

Đây là ảnh Bức Thánh-Quan, mà hồi hơn 10 năm trước đây, các báo Trung-hoa đã làm 1 đăng tin rằng chính Ngô-bội-Phu, một danh tướng Tàu rất mộ đạo, hằng ngày vẫn cầu nguyện được gặp một ngài, đã được ngài chứng minh lòng thành biến hình trên không trung cho Ngô chụp. Bọn Võ-an-Ninh đã dụng công chụp lại bức ảnh này để hiển bầy họ.

Tuần lễ Đông-Dương

Chủ-nhật

— Ông Ardin, hội viên thành phố Saigon, chánh phòng Thương-mại và là giám-đốc hãng buôn Ardin, chuyên về xuất-nhập, nhập cng đã bị bắt hôm 21-5 bị cáo đã mạo các giấy tờ cũ và biến lại cũ về việc nhập cảng hàng hóa để đưa (tính liên-đoàn các nhà nhập cảng, để được nhập cảng một số hàng nhiều hơn số hàng mà ông đã được phép nhập cảng.

— Lại một lần nữa các nhà đương chức xin nhắc lại một khoản trong nghị định của quan Thống sứ Bắc kỳ ngày 9-1-42 về việc tập dền chiến tranh: « Giữ cho ánh sáng ở trong nhà không được lọt ra ngoài hay đường ở ngoài không thể trông rõ được ». Bắt đầu từ 5 Juin nếu ai phạm vào đạo nghị định này sẽ bị phạt.

Thứ ba

— Chiều giờ tối hôm 28 Mai hội đồng thành phố Hanoi họp để duyệt y những việc đã đem bàn kỹ trước:

Trợ cấp cho phòng Thườn 2000\$, các trường tư thục 3.000\$, hội Bảo trợ phụ nữ và nhi đồng Việt Nam 3.00\$, các lớp học thường mai buổi tối 1000\$, lớp học buổi tối ở trường Kỳ nghệ thực hành 600\$, hội Trí tri 300\$, Tổng cục vận động Bắc kỳ 600\$, hội lo cho trẻ em di nghị mất 250\$, Hợp-thiện 700\$, Bình dân phạn điểm 800\$, Trẻ sinh 500\$ v.v. Tỉnh ra số tiền trợ cấp tất cả mới 63.000\$;

Các giấy sau bằng cấp và trích lục khai sinh trước kia phải chịu thuế 2 hào và 4 hào, nay chỉ đóng cho tăng lên 4 hào và 6 hào;

Dụng tượng thống chế Pétain tại Hanoi ở vườn hoa trước cửa phủ Toàn quyền, đường Fagnier;

Việc xét tới bên đồ sửa sang thành phố Hanoi của ông Ger-

rutti đưa trình. Tỉnh ra nếu theo bản đồ ấy mà sửa sang thành phố Hanoi thì phải tốn tới 13 triệu đồng. Sau khi bàn luận qua, hội đồng giao cho một ủy ban xét kỹ rồi sẽ quyết định sau.

Thứ tư

— Từ nay những người đến lấy nước tại các máy công cộng chỉ được lấy đến 11 giờ đêm. Bắt đầu từ 5 giờ sáng mới được ra máy lấy nước.

— Sau khi mở cuộc điều tra việc Hadji Abdul Kader cáo tội tăng giá vài trái lựu, thương gia này đã bị ông chánh án tòa Đại hình đặc-biệt, theo lời yêu-cầu của ủy-viên chính-phủ tại tòa do hạ trát tổng-giam cùng ông Nguyễn-Huỳnh tức Cai-Mor.

Nam ngoài ông Cai-Mor đã bị tòa Thượn-thẩm kết án 5000 quan về tội tịch trữ 50 vạn bạc hàng phần nh đều là của sát. Năm nay, ông bị truy tố về tội bán quá giá những hàng ông đã tịch trữ. Người tay đến Abdul Kader bị ra tòa vì đã mua vải của ông Huỳnh và để n bán lại một giá rất cao.

Thứ năm

Từ nay, mỗi thứ ba, các công chức ở Bắc-Ninh phải theo

HÃY ĐỌC

THẾ-GIỚI MỚI
PHONG-NGUYỄN thuật theo
A. Maureis
(tiếp theo «thanh niên trước thế giới mới»)
Giá 0\$45

SẮP CÓ BAN

PHÊ-BÌNH VĂN-HOC
của KIỀU-THANH-CHU
Một bộ sách nghiên cứu rất công phu về nghệ thuật phê bình nhà xuất bản:
TÂN-VIỆT 40 Takou Hanoi

học lớp phòng thủ thu-động. Mỗi công-chức sẽ được giữ một cái túi đựng đồng, bằng và một vài thứ cần thiết và sẽ giữ chức « chef poste de secours » có 4 người tinh nguyện phụ giúp.

— Quan Toàn-quyền đã ký nghị-quinh bắt buộc ông Ardin phải từ chức trưởng ban Đại hội nghị kinh-tế lý-tải Đông-dương.

— Hai quan đầu tỉnh Bình định đã trích 0 quỹ cứu-tử số tiền 300\$ cấp cho ông Đỗ-minh-Thuyết, người đã sang chế ra một cái máy xay lúa, già gạo bằng những vật liệu của xứ, để ông này dựng một cái máy to hơn và hoàn toàn hơn.

Thứ sáu

— Bán 4 xu một bao diêm, bà Hu. en b. T. phạt 15 ngày tù và 400 quan tiền phạt; máy người bán bia, khoai-lai, thuốc lá, mỗi người bị phạt 15 ngày tù và 50 quan tiền phạt.

— Tại hội quan hội Khai-tri-tiến-đức đã khai thành cuộc trưng-bày các hàng hóa của nước Nhật chế tạo rất tinh xảo như các thứ giấy, vải, đồ sắt, máy móc v.v. Hàng hóa trong cuộc trưng bày này do Quốc-gia liên-đoàn thương-mại Nhật, Quốc gia kỹ nghệ hội Nhật và nhiều nhà buôn liên lạc lựa chọn. Hai hãng Mitsubishi Shoj và Kaisha L. T. D. Hanoi đứng chủ trương công việc tổ chức.

Có rất đông quan khách Pháp, Nam, Nhật tới chứng kiến và dự ti c tr.

Hội có nhà y tăng các quan khách mỗi vị hai quyền sách và một chiếc quạt rất đẹp.

Thứ bảy

— Tòa án đại hình đặc-biệt đã họp xử vụ ông Violot giam đồc hãng Descours et Cabaud ở Hai-phong và hai người giúp việc ông là Guignet và Laval, về tội bán nhiều hàng hóa cao giá. Ông Violot bị phạt 500.000 quan, ông Guignet và Laval được thả đong

TIẾP THEO VĂN ĐỀ CẢI CÁCH CHỮ QUỐC-NGŨ

ĐỀ MÀ KHÓ

Như chúng tôi đã nói (1) sự cải cách chữ quốc ngữ là một việc lúc nào cũng đáng cho những người biết lo cho nền văn hóa nước nhà lưu tâm. Việc làm của nhà xuất bản trên kia, chúng tôi đã nói và chúng tôi xin nhắc lại, là một việc làm mà chúng ta nên cố võ; chỉ tiếc rằng việc đó mới xem thì tưởng dễ mà xét cho cùng thì thực khó, nhưng Khó không có nghĩa là không làm được. Chúng tôi là những người tin rằng chiến đấu mà không phải kỳ khu thì cuộc thắng không danh giá; chúng tôi lại tin rằng phàm ở đời này những kẻ nào thờ chủ nghĩa hoài nghi không thể làm được trò gì cả.

Không, chúng tôi không bao giờ chận tin rằng quốc ngữ không bao giờ thay đổi được. Chúng tôi không tìm sự cải cách quốc ngữ là một việc làm mãi mãi bị bỏ dở như một cái thai bị dọa, và chúng tôi chắc rằng người ta sẽ không tìm ra được những lý lẽ gì để bảo vệ sau đây chữ quốc ngữ vẫn y nguyên như bây giờ.

Lúc chúng tôi viết bài này có một bọn người chủ trương cái thuyết này: « Nếu bây giờ người ta cải cách chữ quốc ngữ, đem quốc ngữ Ng-vấn-Vinh in báo và in sách thay chữ quốc ngữ hiện giờ thì đó chẳng bao nhiêu công trình trúc tác từ trước cho đến bây giờ, đến bị bỏ bẻ cả hay sao? »

Chúng tôi không cần biết những người chủ trương cái

thuyết trên kia đứng vào hạng người gì trong xã hội. Chỉ biết rằng những người ấy đã quá lo xa, không nghĩ rằng nếu quả thật mà quốc ngữ có một ngày đến bước ấy thì quốc ngữ hiện chúng ta đương dùng sẽ chỉ là một thứ chữ quốc ngữ cổ, cũng như nước Pháp có thứ chữ Pháp cổ vậy, không có gì là lạ. Ở những trường trung học, từ lớp sáu trở lên người học trò vẫn phải học văn Pháp cổ và sự ra cứu thứ chữ Pháp cổ đó không có gì là khó.

Chữ quốc-ngữ, nếu có thay đổi bất quá cũng chỉ thay đổi, và bỏ dăm cái dấu. Độ 300 trăm năm sau, ví có ai muốn khảo về những sách báo, in bằng thứ chữ quốc ngữ bây giờ thì tưởng cũng chẳng khó khăn gì lắm. Người ta không bao giờ nếm tình những cơ vận vật, những lý không đứng vững để có làm ngăn trở một việc ích lớn mà mọi người cùng hoan-ngênh.

SỐ SAU

Một số báo làm cho mọi người ngạc nhiên

SỐ « PHẬT-MINH »

— Từ đời hoàng đế, người ta đã đánh giặc bằng súng mà hóa học — Phạm Lữ chế ra kinh hiện vi — Công đầu từ, cả vạ cả công đều phát minh ra máy móc — Người bằng đất biết đánh nhau — Đời Hán có có lo sưởi và quạt máy — Đời Tống đã có đồng hồ báo thức — Con rồng biết gây đàn v.v... Các bạn sẽ thấy rằng từ thời cổ người Tàu đã biết dùng chiến-xa để đánh trận và đó ai biết súng liên thanh của nước nào nghĩ ra?

Độc T.B.C.N. số sau, một số báo khoa học, các bạn sẽ thấy khoa học, từ đồng sang tây, tiến hóa như thế nào.

Đó là một số báo có ích và độc rất hợp thời, ai cũng nên tìm cho kỹ được

việc cản trở phong trào cải cách ở trong nước thì trái lại ở ngoài, người ngoại quốc thấy tiện lợi, cứ đem quốc ngữ Nguyễn - văn - Vinh dùng như thường rồi. Chúng có : nhiều thứ thuốc ở nước ngoài đem đến bán ở đây bây giờ có kèm những cái toa in bằng quốc ngữ Ng - văn - Vinh. Thứ hỏi tại sao? Đó là chỉ bởi quốc ngữ Nguyễn - v - Vinh tiện lợi, và chúng làm như thế, nhà in của họ không cần phải đục thêm chữ, cứ việc đem dùng 24 chữ cái và mấy cái dấu mà nước ngoài cũng có. Như vậy, Nhật cũng in chữ quốc ngữ được, Anh cũng in sách báo quốc ngữ được và Ý và Đức v. v. ...

Sách báo chữ quốc ngữ chẳng vì thế mà phổ cập trong hoàn cảnh hơn, mà Đông - dương chẳng vì thế sẽ được nhiều người biết đến hơn bây giờ?

Nam, Mên, Lào cứ theo đòi Văn-minh Pháp, mà chẳng phải quên hoàn cảnh hay trái với nền nếp của tiên nhân.

CÁC BẠN ĐÓN CŨI TRONG T. B. C. N. SỐ SAU :
Kết quả cuộc thi câu đố của « Báo Mới » về « CÁN-LAO, GIA-ĐÌNH, TỔ-QUỐC »

28 Juin 1942

Trung Bắc Chủ Nhật sẽ hiển các bạn

Một số hề

rất đặc sắc

Ảnh của Võ An Ninh - Nguyễn duy Kiên
Trần đình Nhung - Thanh của Mạnh Quỳnh
NHỮNG BÀI KHẢO CỬU rất hay về núi và về biển

Một chương trình BI NGHĨ MÁT rất hoàn toàn

NHỮNG CHUYỆN HAY về thần thoại và về lịch sử. Lịch sử những nơi nghỉ mát của ta. Sầm sơn, Đồ sơn, Dalat, Chapa, Cửa Lò v. v. ...

Số báo kỷ bắt đầu đăng

MỘT CHUYỆN DÀI MỜI ĐƯỜNG ĐI RA BIỂN

của Vũ An-Lãng

và cố gắng cho sự cải cách của mình; vậy mà cũng không có kết quả tốt đẹp gì.

Lần này, việc cải-cách chữ quốc ngữ đã đến lúc cấp bách rồi. Những lần thất bại trước là những bài học kinh-nghiệm cho bây giờ. Người đứng ra làm việc phải tự biết tại biết sức và thận trọng làm mới được kéo không lại bị thất bại như các lần trước, thì việc cải cách sẽ nhanh đi, chính - phủ không có ý nể, thành ra công việc.

Chúng tôi mong rằng lần này cách-nhập sẽ lưu tâm cho công cuộc cải cách chữ quốc ngữ thấp phẩm hiệu nghiệm. Cuộc cải cách ý mà thành thì kết quả không nhỏ đối với tiền đồ văn học Việt Nam.

T. B. C. N.

Chúng ta đã biết rằng việc cải cách quốc ngữ không phải bây giờ mới có người bắt tay vào làm lần thứ nhất. Không, người ta đã bắt tay vào làm trước ông Nguyễn-văn-Vinh ba lần rồi và lần thứ ba, như chúng tôi đã nói, việc cải cách quốc ngữ đã có nghị-định được qua Toàn-quyển duyệt-... Ba lần ấy kết quả đều buồn cả. Tới ông Ng-văn-Vinh. Ông Vinh như chúng ta đã biết là một người có tài học, có kinh-nghiệm, có phương pháp làm việc, ngoài ra có tiền và sẵn sàng có tới bốn cơ quan vừa hàng báo, vừa hàng sách để tuyên-truyền

DOAN-NGŨ ?

DOAN-NGỌ ?

DOAN-DƯƠNG ?

TỤC GIẾT SÂU BỌ, TỤC ĐEO BÙA TUA, BÙA TỬ
VA NHỮNG TỤC KHÁC TRONG NGÀY 5 THÁNG 5

Ngày mồng năm tháng năm, ta ăn Tết doan-ngô hay doan-ngũ hoặc cũng gọi là doan-duong.

Tết này có những cái đặc sắc sau này :

1. — Sáng sớm, giết sâu bọ bằng hoa quả và rượu nếp.
2. — Trẻ con đeo bùa tùa bùa tui bằng chỉ ngũ sắc, bôi hương-hoàng hay bôi vôi ở cổ, ở rốn.
3. — Các đình chùa phất bùa dẫu, nói rằng khước và thiêng gấp mười ngày thường.
4. — Ở nhà quê, người ta đi hái cái thứ lá cây đem về phơi khô để dành, nói là để chữa bệnh rất hay. Và đi tìm bắt rắn, nhất là rắn thần-lân, bảo rằng rắn mồng năm dùng làm thuốc rất hay.

Cổ-nhiên, Tết này cũng như các Tết khác, người mình bắt chước người Tàu, và các tục-lệ cũng rập theo họ cả.

Gọi là Tàu, nhưng chính ra phải gọi là Ngô - Việt, mới đáng. Ngô-Việt là địa phận mấy tỉnh Triết-giang, Phúc-kiến, Quảng-dông, Quảng-tây bây giờ, là đất gần kề nước ta. Hầu hết các tục-lệ của ta đều phỏng theo cổ-tục đất ấy.

Nghĩa là các cổ-tục của ta đều gốc từ Ngô-Việt truyền sang.

Trước khi nói về Tết doan-ngũ, ta hãy nói vài câu về tháng năm.

Tháng năm là tháng đẹp

Người Ngô-Việt thường gọi tháng năm là tháng đẹp (độc

nguyệt), mọi việc đều kiềng.

Sách « Kinh-sở tuế-thời-kỷ » nói rằng : « Tháng năm, tục gọi là ac-nguyệt. Tháng ấy người ta không nhiều việc, như kẻ giương, đóng giường, làm nhà, lợp nhà ».

Sách « Bể-kinh tuế-thời-kỷ » của Phan-vinh-Bệ chép rằng :

« Tục ở kinh-sư, tháng năm không thay đổi chỗ ở, không dán giấy vào khe cửa sổ. Tháng ấy, người ta gọi là ac-nguyệt ».

Như vậy, ở nước ta, có tục kiềng cưới vợ mùa hè và có câu ngạn-ngữ mùa hè đóng hè làm phúc, có lẽ là đều theo tục Ngô-Việt.

Tại sao có Tết mồng năm tháng năm

Khuất-Nguyễn làm bề tôi vua Hoai-vương nước Sở đời Chiêu-quốc : có gian-hàn đem pha với vua, Khuất bị giáng chức đuổi đi Giang-nam. Uất-ức, Khuất có làm khúc « Ly-Tao » để kỷ-thúc tâm-sự và tỏ nỗi bất-bình. Rồi ngày mồng năm tháng năm, năm ấy,

ẢNH BÌA SỐ NÀY

Bức ảnh Đức Thánh Quan ở bia kỷ này có in thành nhiều bản trên giấy ảnh khổ 18 x 24. Ai muốn mua để đóng khung treo nhà xin gửi bốn đồng về.

M. VŨ AN-NINH
36, rue Goussard Hanol

Khuất chán ngán sự đời, gieo mình xuống sông Mịch-lêchê.

Người nước Sở lấy làm thương Khuất, hàng năm cứ đến ngày ấy (mồng năm tháng năm) làm thuyền rồng thả xuống nước đưa thi vui chơi như để cứu vớt Khuất-Nguyễn và cho gạo vào ống tre dật nút lại, tẽ-lẽ xong, đem thả xuống sông. Từ đó thành ra cái tục ăn Tết mồng năm tháng năm, tức là Tết kỷ-niệm Khuất-Nguyễn vậy.

Doan-ngũ, Doan-ngô hay Doan - dương ?

Sách « Kinh sở tuế-thời-kỷ » chép rằng : « Ở chốn kinh-sư, người ta lấy ngày 5 mồng tháng năm là ngày Doan nhất, ngày mồng hai là ngày doan nhị, ngày mồng ba là ngày doan tam, ngày mồng bốn là ngày doan tứ, ngày mồng năm là ngày doan ngũ ».

Sách « San-ho cầu thi-thoại » của Trương-biêu-Thần, mới rằng :

« Tiếng doan-ngũ cũng thủ nghĩa như tiếng trùng-cửu. Người ta gọi là doan-ngô là gọi lầm ».

Sách « Ngô-chi » của Trương-Nguyên thì chép là ngày doan-ngô, ngày ấy người ta giặt hoa lựu, là ngày để trừ tà.

Sách « Côn-tân hợp-chi » thì chép rằng « Ngày mồng năm tháng năm là Tết Doan-duong ».

Sách « Giang-chấn-chi » lại

chép là Đoan-ngọ, và nói rằng lễ ngày đoan-ngọ trời lạnh nắng, thì năm ấy được mùa. Có câu ngạn-ngôn: «Đoan-ngọ tinh can, nông phu hi-hoan» nghĩa là: đoan-ngọ lạnh nắng, nông phu vui sướng.

Mỗi sách chép một khác, song tất cả, đoan-ngọ hay đoan-ngũ vẫn chỉ là một thời.

Sách «Tư-Hạ-lục» nói rằng: «Đoan-ngọ tức là đoan-ngũ. Xưa chữ Ngọ và chữ Ngũ, nghĩa đều giống nhau, dùng chữ nọ hay chữ kia được cả. Vì thế ngọ cũng gọi là ngũ, Đoan nghĩa là mới, là bắt đầu. Núi đoan-ngũ cũng như sơn-ngũ (nghĩa là đỉnh núi). Và nhân ngọ với ngũ xưa giới-trị như nhau, nên cũng gọi là đoan-ngũ».

Sách «Tư-nguyên» thì giải nghĩa đại khái như thế này: «Theo lịch nhà Hạ, thì tháng giêng là tháng Dần, tháng năm là tháng ngọ. Nên ngày mồng năm cũng theo là ngày ngọ».

Sách «Loại-hàm» dẫn lời sách «Phong-thổ ký» nói rằng: ngày đoan-ngọ, (doan nghĩa là mới, là bắt đầu) tức là ngày mồng năm tháng năm, cũng gọi là ngày trùng-ngọ.

Đoan-ngọ nguyên chỉ có nghĩa là ngày mồng năm (bất cứ mồng năm tháng nào), cũng như đoan-nguyệt là ngày đầu năm, đoan-nguyệt là tháng đầu năm tức tháng giêng.

Vua Đường-minh-Hoàng sinh ngày mồng năm tháng tám. Trong bài tựa quyển Đại-diễn-lịch đáng tin Minh-Hoàng, Trương-Thuyết nói:

«Xin kính-cần lấy bóm đoan-ngọ, tháng tám năm Khai-nguyên thứ 16, là đêm ánh hồng chiếu dọi vào nhà, dâng lên».

Tong-Cảnh xin nhà vua lấy ngày mồng năm tháng tám làm tiết thiên-thu, trong biểu lâu có nói:

«Nguyệt duy Trọng-thu, nhạ tại Đoan-ngọ» (nghĩa là vào tháng trọng-thu, chính ngày đoan-ngọ).

Xem thế thì vì đoan-ngọ (hay đoan-ngũ) là ngày mồng năm, nên người ta gọi Tết mồng năm tháng năm là Tết đoan-ngọ. Theo Tàu, giữa trưa là giờ ngọ; giờ ngọ là lúc mặt trời vượng nhất, nên đáng-lẽ gọi là đoan-ngọ, người ta cũng gọi là đoan-đương. Dương là khi dương, khi nóng, đây trở Thái-dương tức mặt trời.

Có điều là theo các sách trên, người ta không thấy nói đoan-ngọ là Tết kỷ-niệm Khuất-Nguyên đời Chiến-quốc.

Cải tập-tục trong Tết Đoan-ngũ

Bánh đoan-ngũ. — Sách «Ngọc-chúc bảo-diên» của Bồ-đài-Khan chép rằng: ngày mồng năm tháng năm, người ta lấy lá bầu gói bánh.

Sách «Sư-văn loại-tu» nói rằng: bánh gói làm về Tết đoan-ngọ nhiều hình-thu khác nhau, có thứ ba góc như củ ấu, có thứ làm như cái

chày, có thứ gói thành chín góc.

Sách «Dị-yuân» của Lưu-kính-Thúc nói bánh gói do người chị gái Khuất-Nguyên làm ra đầu tiên, nay ta làm để cúng tổ-tiên.

Sách «Tục-tễ hài-ký» nói rằng ngày mồng năm tháng năm người ta bỏ gạo vào ống tre, vứt xuống sông, ý để cúng Khuất-Nguyên vậy.

(Ở nước ta, tục này không có).

Rượu hùng-hoàng. — Sách «Thiên kim nguyệt lệnh» của Tôn-tư-Mao nói rằng: Tết Đoan-ngũ, người ta lấy xương-bò ngâm rượu uống. Sách «Nguyệt lệnh-quảng nghĩa» của Phùng-nữ-Cương nói rằng: ngày mồng năm, người ta hòa chu sa vào rượu uống để trừ tà giải độc, còn thứ thì lấy bôi vào trán, bụng và gan bàn chân, gan bàn tay, để giải sầu bỏ. Người ta đem cả rượu ấy vẩy vào tường vách cửa ngõ để trừ độc-trường.

Sách «Giang-Hương-tiết-vật từ-từ» của Ngô-mạn-Vân nói rằng: ngày mồng năm tháng năm, người ta ngâm rễ xương-bò vào rượu và hoa hùng-hoàng vào uống, hoặc để bôi vào trán và con.

(Tục ăn rượu nếp và bôi hùng hoàng vào rốn giải sầu bỏ của ta cũng tương-tự vậy tức trên).

Kiểm cổ, roi cổ. — Người Ngô-Việt có tục Tết mồng năm, lấy lá xương-bò cắt nhọn như kiếm, lấy cỏ tranh tết lại thành roi, cạnh lạnh dài, tại quai đeo trên đầu đường để trừ ma-quỷ.

Hải lá lâu. — Sách «Mộng-Lương-tục» mà Ngô-tự-Mục nói rằng: Tết mồng năm háy trăm thứ lá để làm thuốc và trừ ôn, càng để lâu dùng càng hay.

(xem tiếp trang 12)

Những vận-sự trong

Ngày tết Đoan-ngọ của người Tàu

Nguyên lại và lịch sử tết Đoan Ngọ thế nào trong bài của bạn Văn Hạc đã nói rõ, bài này tôi chỉ nói thêm ít nhiều vận sự của người Tàu ở một vài xứ về miền Hoa Nam trong ngày tết ấy.

Theo óc mê-tin của dân bình dân Tàu, từ xưa vẫn cho tháng năm là tháng độc, mà riêng ngày mồng 5 tháng 5 lại là trùng ngũ, họ lại càng cho là độc lắm, nên mấy xứ Tri-o-châu, Huệ-châu dân gian thường vẫn có câu cảm kị:

Ngũ nguyệt ngũ nhật bất xuất hộ
五日五日出戶
Vạn sự đờ hưu thiết mục tồ
萬事都休切莫做

Hai câu này nghĩa là ngày mồng 5 tháng 5 nên đóng cửa lại, chớ đi đâu, dù việc gì cũng nghĩ rút không nên làm. Lời nói dù nôm na, nhưng coi đó đủ rõ họ thực đã quá tin ngày ấy là ngày độc đến thế nào. Tương truyền hai câu ấy của Lưu bá Ôn, quan sư của Minh Thái-tổ đã có tiếng là Tài thế Không-Minh đặt ra để thí hành cái diệu kế đánh phá thành Trào-châu.

Nguyên khi Thái-tổ chưa thống nhất được Trung quốc, còn phải tôn công đánh dẹp nhiều nơi, nhất là miền Trào, Huệ gặp phải một tay kinh địch là Hồng-cầm-Hồ. Thái-tổ tư đồ suốt một đạo quân bại vạn người, đến vây thành Trào-châu gần một tháng giờ không sao phá được. Lưu quan sư ông nghĩ được một diệu kế, nhân cuối tháng tư, khi giới nóng bức quá, hạ lệnh cho quân lính tắm rửa tại ra ngoài 10 dặm để nghỉ ngơi, rồi

đặt ra một bài thơ, làm vừa như lời sấm truyền, vừa như lời thần báo, trong đó có hai câu vừa kể trên, một sai bọn vạ nghiêng tức là bọn đồng cốt đi khắp nơi dậm ian nói phao

lên. Quả nhiên đêm qua nghe được, kể họ truyền người kia đều tin làm thực. Nhân dân và quân lính trong thành cũng bị cái ảnh hưởng ấy, lại thấy quân Minh rút ra xa, việc phòng giữ có phần sơ suất.

Tới ngày Đoan ngọ, nhà nào nhà ấy đều đóng cửa im-lặng, cùng nhau ăn uống vui chơi, chẳng làm gì cả. Khi mặt trời vừa lặn, bỗng mấy kho lương thảo trong thành phát hỏa, lửa bốc cháy lên dùng dưng, kể đó lại có nhiều nơi quan yếu của địch quân cũng bị cháy, sáng rực một góc trời.

Hồng-cầm-Hồ bắt hoàng cùng các tướng độc thức cứu chữa, nhưng chỉ có quân lính, còn nhân dân thì vắng ngắt, vì họ còn đang sợ ngày ấy ra của thí độc, vẫn cặm ngồi ra ở trong nhà, đêm nổi địch quân phá phá cửa từng nhà bắt người ra đi cửa hỏa.

Giữa lúc nguy cấp ấy, thì từ 4 cửa thành, quân Minh lại lên đến lúc nào, đánh phá rất kịch liệt. Liệu thế không chống giữ nổi Hồng-cầm-Hồ vội cùng đờng liều chết đánh phá vòng vây phía đông, lấy lối chạy ra mặt bể. Thế là quân Minh hoàn toàn ch ếm được Trào-châu.

Sau đó mới biết quân sư Lưu-bá Ôn đã dò xét quân dân Trào-châu quả đã tin nghe lời sấm già ấy. Tới ngày Đoan-ngọ, một phái mấy tên quân cầm-tứ giả làm những kẻ hành khất lên vào trong thành, lần la đến các kho tàng của địch quân, chớ đến gần cửa, phóng hỏa đốt cháy các nơi ấy làm hiệu.

Thực là diệu kế, kỳ mưu.

Sau cuộc đắc thắng ấy, vị Không-M nh tại thế kia chắc sẽ tự hào là đã lập được kỳ-công, nhưng có ngờ đâu lại là làm nên một đại tội với hậu thế, vì



cả bài sấm giả dù chỉ còn có hai câu, cũng đủ làm cho nhân dân bị thêm một cái độc mới tin rứt lã tai hại, cho mãi tới nay cũng không thể dứt khỏi.

Sự mê tin ấy quả là tai hại thực. Vì quá tin, ngày ấy là một ngày độc, các việc làm bất cứ trọng đại đến đâu, họ cũng tin nếu làm thì sẽ có sự chẳng hay.

Cũng do sự kiêng kỵ sai lầm ấy, ba bốn mươi năm về trước đây, cứ ngày tết Đoan-ngọ, các nơi dân gian ở hai miền Trà Ôn thường có những trẻ sơ sinh bị quăng bỏ như bạn Q. C. đã nói. Việc tàn nhẫn vô nhân đạo ấy, đã động mỗi từ tâm một nhà tu hành là Trúc-lâm đại-sư, hàng năm sau ngày Đoan-ngũ, chính người và các đồ đệ chia nhau đi tìm những trẻ con bị bỏ, chết rồi thì chôn lấp, còn sống thì thu nuôi, mới có hai năm mà số trẻ thu nuôi đã được hơn hai trăm đứa. Đó chỉ là số trẻ ở mấy nơi mà đại sư đi đến được, còn nhiều nơi khác, số trẻ không ai thu nhận mà bị hết oan, chắc còn gấp mấy số ấy. Thảm thay!

Việc làm của đại sư có ảnh hưởng rứt lớn, rồi đó các nhà trí thức cũng biểu đồng tình và xướng lên một nghị cử, xin các nhà đương cục nghiêm trị những kẻ cha mẹ vì mê tin mà làm việc tàn nhẫn ấy.

Muốn cho việc bài trừ cái tục mê-tin tai hại ấy được triệt để, hàng năm gần tới ngày tết ấy, các nhà trí-thức lại cho tổ-chức hội «*tiết-hung*» hay hội «*chí-mê*», nghĩa là trừ bỏ sự mê-dữ hay là chỉ dẫn sự mê muội. Hội ấy do từng đội nam nữ thanh-niên chấp hành, kết thành từng đội, chia đi các nơi, đánh trống phất cờ, vừa đi, vừa hát những bài đầy ý nghĩa thấm thiết, trong đó có một bài nói về Điền-Văn như sau này:

Điền-Văn ngũ nguyệt ngũ nhật sinh

田文五月初五日生

Trường vi Tề-tướng đương thanh danh

憂為齊相揚聲名

Quốc-dân bất luận nam nữ

國民不論男與女

Bồ thị quốc-gia địch can thanh

都是國家的干城

Phụ mẫu sinh lai yêu bảo dưỡng

父母生來要保養

Hồ vi mê tín thiên lương tang

胡為迷信天良喪

Cốt nhục tương tàn tình kỷ thương

骨肉相殘情既傷

Pháp luật hựu nan đảo tội trạng

法律又難逃罪狀

Đại ý lược dịch như sau:

Điền-Văn sinh ngày năm tháng năm

Lâm tướng nước Tề nổi tiếng lâm

Quốc-dân không hề gài hay gài

Nhà nước mai sau,

đều trông nhằm

Cha mẹ sinh ra phải

giữ nuôi

Làm sao mê tín đem

bỏ hoài

Cốt nhục hai nhau

tình đã mất

Pháp luật lại còn

mạng tội gài

Cuộc bài trừ tục mê

tin này được chóng

có hành hiệu, người

ta nói từ cuối đời

Thanh, cái tế tục ấy

đã hoàn toàn trừ tuyệt. Một công cuộc xã hội tiến hóa đáng nên ghi.

PHẬT NHI

Các đại lý kê dưới đây vì đề
chậm tiền bản quán phải tạm
dinh việc gửi báo

Hoàng-Anh - Phnompenh

Bảo-hòa Thư-xã - Baria

Đan-Hải - Sơn-tây

(Muốn đề tiền bưu phí đòi hỏi, từ giờ các đại lý nào đề
chậm tiền, bản quán sẽ đăng vào bản trên này để nhắc việc
gửi tiền.)

Muốn được chóng giầu mua vé xổ số Đông-Pháp

ĐÃ CÓ MỘT THỜI

Các cụ ta ngày xưa tin tưởng ngày sinh tháng đẻ có quan - hệ rất lớn cho đời người hay dở tốt xấu.

Một người ra đời lỗi ngày lỗi giờ, chẳng cần gì nhiều, chỉ hơi sớm hay là hơi muộn đã ba phút, vận-số cũng đủ ảnh-hưởng không hay. Dà tài cao học giỏi mặc kệ, suốt đời vất vả lao đao, trong khi những người

thưa kém mình đủ mọi về, nhưng chỉ hơn dốt một điều là sinh ra phải ngày phải giờ, thôi thì họ bay bổng như điều, danh lợi chẳng gọi cũng tự đến. Nhiều người thường phẩm

uất tham thờ mỉnh «sinh bất phùng thời», đến nỗi chán nản không muốn hoạt-động phần đầu gì cả, hoặc làm việc gì bất thành, đều quy tội cho ngày sinh tháng đẻ.

Hèn nào trong việc sã-đức, chẳng những cô-nhân chướng ngại giờ mà thôi, lại kén chọn từng tháng-năm. Các cụ ghét nhất, kiêng nhất là đẻ con vào tháng năm. Cầm sấm tháng có nào ra đời tháng ấy, người xưa vứt bỏ không thèm nuôi, hoặc đem cho ngày thiên-cha, rồi như tông-khứ được một cụ cục tị vậy. Hiện nay bên Tàu còn nhiều vàng què vẫn giữ thói tục kỳ-quái như thế.

Nhưng tại sao lại kiêng đẻ con ra tháng năm?

đưa trẻ sinh ngày 5 tháng 5 đều bị vút vào bụi cỏ bờ ao, nhưng...

ĐỨC THÁNH QUAN sinh đúng vào ngày ấy lại trở nên bậc anh hùng cái thế

Suốt cả tháng ấy nên kiêng, xấu hạng nhất là ngày đoan-ngọ. Một đứa trẻ xuất-thế giữa mùng 5 tháng 5 bị xem như vật có hại. Sách «Phong tục thông nghĩa» của Ứng-Thiền chép rằng: «Tục truyền mùng 5 tháng 5 đẻ con, trai thì hại cha, gái thì hại mẹ俗說五月五日生子,男害父,女害母», nhưng vì lẽ gì mà hại thì không nghe nói.

Tội nghiệp những trẻ vô phúc sinh nhầm ngày tháng kiêng kỵ mà bị quăng vào bờ bụi, thả xuống sông ngòi, con số ấy ở Trung-quốc hồi xưa chắc hẳn không ít.

Có nhà không nỡ bỏ rơi, để lại nuôi nấng, nhưng chẳng qua chỉ làm một chuyện tác-

trách thế thôi: họ không cần chăm nom đứa trẻ, không cho học hành, vì một hai tin quyết nó đã «sinh bất phùng thời», dù cho đi học cũng đều uống công vô ích.

Song tục lệ dân gian thì thế, lịch-sử và sự thực-tế lại khác.

Lịch-sử chứng tỏ cho ta thấy nhiều người ra đời giữa ngày tháng kiêng kỵ ấy chẳng những không có hại gì cho cha mẹ, cũng không phải mai - một chết chung thân, lại làm nên danh - vọng lẫy lừng, sự-nghiệp hiển hách.

Trước nhất là truyện Mạnh-thường quân, ai đọc

Sử-ký hay Đông-chu liệt-quốc chẳng không cần lạ.

Điền-Anh làm tướng nước Tề, con cái hơn bốn chục người. Một cô tiện-thiếp đẻ ra đứa con trai, đặt tên là Văn. Cậu ấm này lọt lòng giữa hôm đoan-ngọ, cụ lớn ta không vui, nhất định bảo người mẹ:

— Đem vứt bỏ đi! Chớ có nuôi tăng bé ấy!

Nhưng máu cha ruột mẹ, người mẹ không nỡ lòng nào bỏ con cho đành, nên phải thuê vú nuôi nấng nuôi nấng, cho tới khi chín mươi tuổi, học rất thông minh.

Một hôm Văn lên vào tướng phủ chơi với anh em, bị Điền-Anh trông thấy. Nổi giận, Điền-Anh gọi người mẹ đến quát tháo:

— Ta đã bảo nàng bỏ thùng bé ấy đi, chớ nuôi, thế mà nàng dám nuôi nuôi nó là nghĩa làm sao?

Vấn cái đũa lễ phép hỏi cha: — Con xin hỏi vì sao phụ thân lại không muốn nuôi đứa con đẻ ra trong tháng năm?

— Đứa con tháng năm, lớn lên cao bằng khung cửa, sẽ có điều bất lợi cho cha mẹ! Điền-Anh đáp.

Theo Điền-Anh thì ra cái có không nuôi con tháng năm thật buồn cười: chỉ sợ mai sau nó cao lớn bằng cửa. Mà nó cao lớn như thế thì cha mẹ bắt lợi nghĩa là nuôi ăn tốn cơm, cho mặc tốn vải chẳng?

Nhưng Văn không chịu cái thuyết của cha:

— Người ta sinh ra đời, vốn chịu mạng ở trời, há chịu mạng ở cửa? Nếu như chịu mạng ở cửa, sao không nâng cửa cho cao hơn lên, ai có thể cao lớn đến cửa được ư?

Điền-Anh thấy rằng bé đối đáp lạ lùng, đánh làm thình để mẹ nó nuôi vậy, nhưng hẳn trong ý không tin rằng rồi ra nó có thể nên người.

Nào ngờ về sau, nội bốn chục người con Điền-Anh, chính cậu bé sinh phạm ngày tháng mà suốt nửa bị vứt bỏ ra bờ ao bụi rậm đó, lại nổi nghiệp cha làm tướng-quốc nước Tề, và trở nên một nhân-vật kỳ vĩ nhất đời Chiến-quốc khiến cho nước Tần hồ lang cũng phải kiêng sợ. Ấy là Mạnh-thường-quân.

Nhờ có trường-hợp của Mạnh-thường-quân, đời sau nhiều người khỏi bị chết oan. Rải rác trong sử sách,



thấy chép nhiều chuyện con đẻ tháng năm, cha mẹ tìm mà thôi tục, sắp sửa vứt đi, người ta nhắc lại việc cũ Mạnh-thường-quân mà cứu được đứa bé vô sự.

«Tây-kinh-tạp-ký» kể chuyện Vương Phượng đời Đường lọt lòng giữa hôm mùng 5 tháng 5, người cha toan bỏ không nuôi, những người chú can:

— «Ngày xưa Điền-Anh «bảo nàng hầu bỏ Điền-Văn «đừng nuôi, sau Điền-Văn «trở nên Mạnh-thường-quân «hiền bác một thời. Lấy «việc đó mà say, có «phải bắt tướng dân «là ngại.»

Vì thế, người cha lại nuôi, quả nhiên về sau Vương-Phượng làm nên hiển đạt.

Đời Tần có Vương-trần Ấc cũng đẻ ra giữa ngày tháng kiêng kỵ, gia - nhân tinh đem quăng xuống sông, nhưng ông nội là Vương Mạnh nhất định giữ lại và nói:

— «Nó ra đời thế là gặp «ngày lành tháng tốt lắm «ngày, sao lại chẳng nuôi? «Không nhớ thuở xưa Mạnh- «thường-quân sinh ra ngày «ấy mà làm tướng-quốc «nước Tề ư? Thằng bé này «chắc hẳn mai sau làm về «vang dòng-dối nhà ta, để ta «đặt tên nó là Trần-Ấc.»

Trần-Ấc 饒惡 nghĩa là dễ ốm yếu, Vương-Mạnh hy hai chữ ấy đặt tên cho cháu cốt tỏ ra mình không tin theo tục-lệ kia vậy.

Cũng có đứa đã bị quăng bỏ, năm chắc mười phần đi đứt cả mười rồi, may mắn làm sao lại được cứu thoát.

Kỷ-Mại lúc mới oa oa mấy tiếng khóc chào đời, bà mẹ

âm ra ngoài ruộng bỏ đi, gió khóc mặc kệ; may gặp một chái nông-pau đem về nuôi cho tới sáu tuổi, chẳng mới được cha mẹ nhìn nhận.

Hồ-Quảng cũng thế, bị cha mẹ bỏ nằm trong hộp gỗ, ném lùm ruộng sông. Hợp trôi lênh bênh, mới ông thuyền chài nghe bèn trong có tiếng trẻ khóc, bèn vớt lên đem về dưỡng-dục, sau thì đỗ làm quan.

Nếu chịu khó lục lạo những chồng sách cũ, thì còn có thể trung-dẫn không thiếu gì chuyện đại-khải như trên vừa kể.

Chúng tôi quên nói Quan-công, vị anh-hùng ở đời Tam-quốc mà xưa nay bên Tàu và ở xứ ta bao nhiêu nhà kinh thư sùng bái, cũng chính là một người ra đời giữa ngày mùng năm tháng năm. Còn ja hơn nữa, Quan-công sinh năm năm Ngọ, tháng Ngọ, ngày Ngọ, và lại chính giữa giờ Ngọ.

Kể ra như thế, thì không chừng mùng năm tháng năm là ngày lành tháng tốt, vì sinh ra thời-gian ấy nên coi là có phúc, là đặc thời mới phải; phong-tục đời xưa lại kiêng kỵ cho đến nỗi vứt con đi không nuôi là nghĩa lý gì?

Có lẽ cái phong-tục trái ngược nhân đạo và sinh-lý này nảy-nổi vào khoảng đời Xuân-thu Chiến-quốc, mà dấu tiêu trước nhất chính là

Xưa nay bị nhiều, vì

Ấn no với tấm gương thường!!!
Cơm no vì đã lên giường ngủ ngay!
Dục tình đương lúc no xay!
Phòng tinh bệnh hy, xưa nay bị nhiều!
Bao to 12 grs. 0,55
Bao bé 6 grs. 0,30

Điền-Anh cũng nên. Vì trước câu chuyện về Mạnh-thường-quân như ở đoạn trên đã kể, tuyệt nhiên không thấy sách vở nào bảo người ta kiêng kỵ đẻ con tháng năm.

Không chừng lúc bấy giờ Điền-Anh có con cái đông quá rồi (hơn 40 người), mà Mạnh-thường-quân mới đẻ ra để bổ ốm yếu (ta có thể tin điều ấy, vì Sử-ký chép rằng Mạnh-thường-quân tác người thấp bé loắt choắt, đến nỗi người nước Triệu ngó thấy bực cười, lại là con một nòng hầu) cho nên Điền-Anh không muốn nuôi, mới kiếm có bảo là mồng năm tháng năm không tốt. Sau bị Mạnh-thường-quân hỏi vặn lại sao không tốt, thì Điền-Anh trả lời rằng bắt lợi phụ mẫu, để cho xuôi chuyện thế thôi, tự ông ta cũng chẳng căn cứ vào đâu cả.

Rồi những kẻ hiếu sự, những ngu-pho ngu-phụ, vin lấy chuyện ấy làm dẫn thành

thà buồn nào cũng cần phải có cuốn

CATALOGUE OFFICIEL

HỘI CHỢ HÀ NỘI 1941

Một cuốn chỉ nam đầy đủ tài liệu để giúp các ngài rộng đường giao-dịch với các hãng sản-xuất và các nhà tiêu-thu. Giá bán 1\$00 một cuốn, thêm 0\$47 cước phí. Chỉ còn rất ít, xin gửi ngân phiếu cho: Comptoir Indochinois de Propagande pour l'Industrie et le Commerce (C.I.P.I.C.) 72, Rue Widéo Hanoi

Người Việt-Nam cần phải đọc:

NGƯỜI XƯA

© của VIỆT-THƯỜNG
thể thường - thực cái tình - hoa của lịch sử nước nhà. NGƯỜI XƯA là một tài liệu văn-chương quý giá, in giấy bìa. Giá 0\$70 C.I.P.I.C. Hanoi xuất-bản

ra thời giờ. Họ n/ l/ n/ ộ/ l/ ời/ zoi/ mọi việc làm, từ quan tương quốc Điền-Anh mà ra, có thể làm thước ngọc khuôn vàng, di-truyền hậu-thế được. Có biết đâu ở đời cao lớn nuôi cá tép, chỉ là cày thế cày thân như đời Chấn-quốc, Điền-Anh là thân-tộc nhà vua, chẳng cần phải có tài năng trí-thức gì cũng làm nên tương quốc nước Tề như hồn!

Kỷ-thật, tháng năm là tháng giữa mùa hè, khí hậu nóng nực khó chịu, có ảnh hưởng không tốt cho sự sinh hoạt của con người ta: trẻ em hay có ghê lở mụn nhọt, kẻ lớn thì tinh-thần uể oải, không được thư-hải. Bởi vậy, các giống độc-á như rắn rết ruồi muỗi cũng bắt đầu hoạt-dộng dữ dội trong tháng ấy. Bởi vậy cổ-nhân cho tháng năm là «tháng độc» (毒月), bầy ra những sự đeo bùa, bôi hồng-hoàng, nhuộm móng tay, xông lá ngải v. v. cốt có ý nghĩa là trừ độc, tránh d/ c.

Thiên Nguyên - lệnh trong sách Lễ-ký khuyên người ta trong tháng năm cần phải trái giới, di đứng nên che mình phòng sự chói nắng, bớt thanh sắc, đạm bạc ăn uống, giảm điều trị-dục, giữ tinh-tâm-khi; tóm lại đều là những việc có ích cho đạo vệ-sinh.

Visso?

Chính vì tháng năm là tháng độc. Muốn được vệ-sinh phòng-bệnh, cần nhắc bảo ta nên bớt những việc sắc-dục âm thực; mấy kẻ hiếu sự tán rông ra, lại nói lấy sự tích Mạnh-thường-quân, mà bầy về ra thời tục kiêng kỵ để con tháng năm và cho đứa trẻ ra đời mồng năm tháng năm là phạm ngày giờ bất lợi đó chăng?

QUẦN CHI

Đoan-ngọ, Đoan-ngũ Không-Minh hay Đoan-dương?

Sách « Giang-chấn-chi » chép rằng:

Tết mồng năm hái các thứ lá cây để dành làm thuốc, tìm cóc, bả rết, chêm rắn đều để dùng làm thuốc.

Người Ngô-Việt lại có tục này: Tết mồng năm bắt năm con hoặc bảy con cóc bỏ vào nước cho nó nhả rãi ra, rồi đến quá trưa lấy nước ấy đưa sỏi lên để người cho trẻ con tắm thì không hay mắc bệnh lên đậu.

Đeo bùa đầu bùa tua, bùa tỏi. — Tết mồng năm, người ta bán những hình ảnh người cưỡi cóc hoặc người hình cóc như rồng, phượng, cá, nhện, cò v.v. làm bằng vàng, bạc, hoặc đồng rất mỏng, bán để cho trẻ con người lớn đeo lên với chỉ ngũ sắc (trường thọ) (ngũ) (tái hung hoàng, bùa ở chùa miếu để trừ tà-ma và ôn-dịch).

Thuốc trừ ôn. — Trẻ con dân ta thường đeo túi thuốc thơm trong bụng xương-thuật, bạch-chi, đại-đạo, vắn-hương nói là để trừ ôn-dịch. — Trưa mồng năm tháng năm, người ta lại thường đốt thuốc thơm để hạn muỗi, tin rằng từ đó về sau sẽ không bị nạn muỗi nữa.

Đưa thuyền rồng. — Tục này có lẽ là một tục lạ nhất và long trọng nhất trong ngày tết mồng năm tháng năm.

Người ta thả thuyền xuống sông, hồ. Mỗi thuyền Trang-hoang một khác, chân sáo mỗi thuyền ăn-bận một sắc khác nhau, toàn những lụa là lộng lẫy như g-phục phương-tướng.

Rồi theo một hiệu lệnh, hàng trăm chiếc thuyền trái cùng bơi một lúc, lướt trên mặt nước như bay. Trên bờ người xem đông như kiến, đủ cả tài tử, giai-nhã, nam thanh nữ tú, người già trẻ con, hàng quán bày la-liệt. Trên sông, thuyền khách xem hội đông như lá tre, cơ hồ không còn chỗ mà chèo thuyền nữa, diễn nên một cảnh tượng rực-rỡ, thái-bình. Nhất là ban đêm, thuyền nào thuyền ấy đều thắp sáng như sao tiêng vui cười huyền ảo cả một sông. Hội đua thuyền ban ngày thì gọi là « Hoa-long-thuyền-thị » ban đêm thì gọi là « đăng hoa long thuyền ». Thuyền nào tối màu nhất thì được thưởng. Màng giấy hội thì kéo dài ra tới mười mấy dặm. Thật là một hội cực kỳ nao-nhiệt vui vẻ.

Sách « Kinh sử thế thời kỷ » nói họ đó là để kỷ niệm Khuất-Nguyên. (Cũng có sách thì nói để kỷ-niệm Ngũ-tử-Tu).

Coi các tập-tục có tang-chương xác-thực ghi trong sách vở của Tàu, mà chúng tôi dẫn trên kia, ta thấy rằng người mình nhiều tục không theo đúng người Tàu, có khi lại bị đặt ra một tục vô lý và có hại cho vệ-sinh, sáng sớm long không dạ đói, ăn hoa quả chưa chín nói để giải sầu bọ.

Giải sầu bọ lối ấy, chỉ là nuôi sầu bọ và chỉ là giết... mình mà thôi.

AN-HẠC

Không-Minh độ-Pháp

Sách này gồm có:

1) Các phép đón bằng tiền và Lơ-nhâm đón của Già-Cái tiền-sinh khi ra trần.

2) Phép đo Rùa rất nghiêm (Bể cái que đo ta, rồi chấp thành con Rùa để biết sự giàu, nghèo, sang, hèn rất đúng).

3) Đo một, đo tay để biết... (Chỉ đo qua tay và mặt cũng biết được kẻ hay, kẻ v.v... Đó là cuốn « THẦN-BÍ THỰC-HÀNH » II giá \$500 do Mộng-Nhân thuật.

CUỐN THẦN-BÍ THỰC-HÀNH I

day thực hành các phép như:

1. — Xem-linh học, 2. — Chiết tự học,

3. — Xem tự dạng, 4. — Xem tiền dịch,

5. — Xem tướng mặt, 6. — Xem tướng tay, 7. — Bói bằng con bả, 8. — Bói bằng Cà-phê, Giá \$550 do Linh-Ton

thuật (gần hết).

Mua buôn mua lẻ, Thợ, mandat để cho nhà xuất bản như vậy.

NHẬT-NAM THƯ-QUÁN

19 Hàng Đĩnh — Hanoi

Gửi C.R. nhờ gửi ít tem cho làm cước phí

Chầy hội chùa Hương

Chùa Hương, ch gần xa hội. Lối bao ngư đi mong tới cảnh tiên.

Ăn chay năm mộng cửa thiền,

Nước Đương mong tưới lửa phiền

từ duy.

Phật thường những ra tay tế độ.

Nước Cam-Lồ (1) sẵn có từ lâu!!!

Chỗ theo phương pháp nhiệm

mà!

HOA-KỲ RƯỢU CHƯƠI phải cầu đầu xa.

Khi sinh nở vừa xoa, vừa bóp,

Huyết lưu thông, gân cốt giãn g, ăn,

Chèo non, vượt suối học nhàn,

Dùng qua quá thấy tinh thần thanh

tho!

Cầm công đức Như Lai truyền bá,

Chép vài lời tuyên cáo quốc dân,

HOA-KỲ RƯỢU CHƯƠI nên cần,

Thuốc hay nước tiêng xa gần nơi

kh.

HUYỀN-KHÔNG HÒA THƯỢNG

kinh sách

(1) Nước Cam-Lồ là nước (hoà) Hoa

Kỷ ngày nay.

THÁNG NÀY LÀ THÁNG NGỌ, LẠI NHÂN NHẮC ĐẾN
QUAN-CÔNG, LÀ CHỦ NHÂN ÔNG CON NGỰA XÍCH-THỔ...



NHỮNG TÀI LIỆU
MỚI VỀ NGỰA CỦA
NHÀ BÁC HỌC THẠCH-XUYỀN

Con ngựa đi năm đường từ Đông mà sang lối tận Tây

Phương Đông biết lợi dụng con
ngựa trước

Trừ ra những người có tinh tự tôn tự ái thái-quá không nói, ta thấy nhiều nhà bác-học tây-phương đã công bằng nhìn nhận rằng hai ba trăm năm trở lại đây, ảnh sang văn-hóa từ tây-châu rơi sang đông, điều ấy không ai có thể chối cãi, nhưng hai ba trăm năm trở về trước thì trái lại, văn-hóa phát-dương từ đông sang tây.

Những danh-nhân Pháp hồi xưa, như ông Voltaire từng ca-tụng cái chế-độ ở nước Tàu kén chọn hiền tài bởi cách thi-cử; nhà kinh-lễ-học Turgot từng xương-ngự các nước Âu-Châu nên bắt buộc phép cai-trị của Trung-quốc mà ông khen ngợi là hay là đúng.

Chính nước Tàu chẳng đã phát-minh và đóng góp vào lịch-sử khoa-học tiến bộ của thế giới ba vật rất quý báu, là kim chỉ-nam, thuốc súng và thuốc làm giấy đỏ ư?

Nếu theo sự nghiên-cứu của ông Thạch-Xuyến Tam-tử lang, một nhà văn-học có tiếng hiện thời ở Nhật và từng du-học bên Pháp về, thì cả đến con ngựa nữa, thuốc xương cũng là phương đông biết lợi dụng trước rồi công hiến cho phương tây sau.

Nước mạnh hay suy là vì ngựa

Đời nay, việc giao thông trên bộ đã có những tàu hỏa, xe hơi, khi cụ chiến-tranh đã có những máy bay và xe thiết-quốc, càng ngày tình xương lạc đường, chắc hẳn nhiều người không ngờ đầu

ràng đời xưa con ngựa đã lấy một thân nó kiếm cả mấy việc hệ-trọng ấy giúp đỡ loài người.

Thật thế, ở những thời-dại khoa-học chưa làm vua, cơ-khi chưa xuất hiện, con ngựa chính là phi-cơ thiết-giáp về mặt giao-thông; địa-vị nó quan-hệ đến thế nào, chúng ta có tưởng tượng cũng đủ biết.

Có thể nói ở thời-dại ấy, một quốc gia dân-tộc còn mất được thua, thường quyết định ở chỗ ngựa có hay không, mạnh hay yếu, nhiều hay ít.

Chứng cứ là nhà Chu đặt ra chức đại-tư-ma (大司馬) trong việc chăn nuôi rèn tập ngựa nhờ thế mà được một phần thắng-thế, kết quả đánh ngã nhà Thương không biết trọng-dụng ngựa trong cuộc chiến chinh.

Dân tộc Nhã-lợi-an cũng lấy ngựa làm thứ vũ-khì trọng yếu mà mở mang ra nền văn-hóa Phê-đà ở Ấn-độ. Ai nghiên-cứu đạo Phật hẳn không quên Phê-đà (吠陀), nguyên tiếng Ấn-độ là Veda, nơi nguồn suối tôn giáo, triết-lý và văn-học của xứ Ấn-độ cổ thời. Có nhiều dấu tích chứng tỏ ra sức mạnh loài ngựa đã đóng góp vào việc xây dựng nền văn hóa rực rỡ ấy một phần công-lao rất lớn.

Dân xứ Babylone đang hùng cường biết bao, mà rồi bị một cường-tộc ra tay áp-bách cho đến nỗi suy vi mòn mỏi, chỉ vì con ngựa thua kém người ta.

Vua Darius nước Ba-tư đại đế-quốc khoe khoang sức ngựa đã giúp mình xây nên oai-danh hùng-vũ một thời, chính là nhìn nhận một sự thật có.

Đề thường không mấy ai dám tưởng con ngựa mà quan-hệ cho cuộc hưng vong suy thịnh của người ta đến thế.

Hai châu Âu Mỹ đời thượng-cổ có ngựa hay không?

Cứ theo quyển sách *Ptolemaee* — tên một nhà địa lý-học thời Hy-lạp cổ — của ông André Berhelot, thì ở trên mặt đất hai châu Âu Mỹ thuở xưa cũng từng có ngựa sinh đẻ. Nhưng sau vì lẽ địa chất biến-hóa, mà mặt biển giống ngựa sinh đẻ ở đồng-bằng (già-sinh-mã), chỉ thấy có một giống ngựa vằn, gọi là ban-mã, sinh-trưởng ở rừng và không thể dùng để phục-dịch người ta. Giống ngựa chân-chính sinh đẻ ở đồng-bằng chỉ riêng một nơi có, là ở trung-bộ Á châu, chung quanh địa-vực núi Thiên-sơn về phía tây bắc nước Tàu. Ngựa nuôi trong nhà cũng khởi nguyên từ trong miền ấy. Cho đến bây giờ, giống ngựa cao lớn khỏe mạnh, ta quen gọi là ngựa Mông-cổ, đều do ở vùng Thiên-sơn người ta chăn nuôi phồn thịnh nhất và truyền bá đi khắp nơi.

Chỉ nuôi ngựa mà dựng nên được nghiệp đế vương

Thế là ngựa phát sinh ở giữa châu Á, và cạnh sách Trung-quốc, nhưng sự thật Trung-quốc biết lợi-dụng con vật quý và đặc lực ấy cũng không lâu đời lắm.

La-chấn Ngọc, một nhà văn-học Tàu hiện-thời, đã có công nghiên-cứu văn-hóa nước Tàu đời xưa rất kỹ, nói rằng cổ-nhân chuyên nuôi voi để chia sự mệt nhọc với mình, trước khi biết dùng trâu cày ngựa cỡi. Sách *« Lễ-thi Xuân-Thu »* chép rằng: « Vua Thành vương phò Chu lên ngôi, con cháu nhà Ân (tức là nhà Thương) nổi lên làm phản có tài sai khiến loài voi, quỉ, rồi ở miền Đông di, ai cũng khiếp sợ tại hạ; Thành-vương sai Chu công đem quân đánh đuổi tới khỏi Giang-nam ».

Té ra đời nhà Thương, người Tàu còn trơ trọi hơn ngựa. Hình như lúc bấy giờ chỉ có hạng quyền thế giàu sang mới cầu kỳ nuôi ngựa, và xem ngựa như một vật lạ vậy. Sử-ký của Tư

THÔNG-CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

- Một lần nữa, nước Pháp phải biết tổ gan dạ
- giữa buổi đau thương, phải làm nên sự nghiệp
- trong công cuộc phục hưng quốc gia, phải hiểu
- biết những sự cần-thiết về đương thời và về
- lẽ thờ trật tự mới, phải rộng-lượng đẹp mọi
- nỗi oán ghét trong những sự cấu thần bất cuộc
- ta phải tìm, sau một thời rối loạn bi-đét. »

mã Th ên chép việc vua Trụ giam ông Tây-bá (sau là Văn-vương nhà Chu) ở ngục Dữu-lý, những người bày-tôi lo sự Tây-bá bị giết, bèn kén chọn một người con gái họ Hữu-sân tuyệt đẹp và một con ngựa quý ở Ly-nhưng, cùng nhiều châu báu khác, nhờ tên sống-thần là Phi-Trọng dâng lên vua Trụ, xin thả cho Tây-bá về. Vua Trụ rất mừng được cả mỹ nhân lẫn lương-mã, chỉ vào con ngựa quý và nói:

— Một vật này đủ chuộc Tây-bá, cần gì các thứ kia.

Xem thế đủ biết đến đời Thương người ta chỉ nuôi ngựa làm món trang-hoàng vậy thôi, chưa biết dùng nó trong việc giao thông hay chiến-dấu.

Nhà Chu ở miền Tây-nhưng đầy lên, tự nhiên biết dùng tài dùng sức ngựa một cách sủa xa. Đến đây, chiến-trận mới có nhưng-xa từ-mã (戎車 駟馬). Nhưng-xa tức là chiến xa, có bọc da đại sát để ra trận mạc. Từ-mã là bốn con ngựa kéo nhưng-xa.

Lúc Chu Võ-vương đem binh đánh Trụ, bắt đầu dùng nhưng-xa từ-mã rất nhiều. Ta xem đoạn sử kể chuyện Võ-vương chủ mộc-chủ trên xe, kéo về phía đông đánh vua Trụ, anh em Bã-di Thúc-tề núp ngựa lại mà can, đã thấy thời đại ấy đã trong-dụng sức ngựa kéo xe xông pha chiến trận vậy.

— Chính kiểu chiến-xa ấy về sau truyền sang đến các xứ Ai-cập, Syrie, Babylone và Hy-lạp, đã khái hình thức và công-dụng cũng giống như nhau.

Tiếng Nhật trong 10 ngày

Chỉ biết quốc-ngữ cũng học lấy được tiếng Nhật đã dانا. Học trong 10 ngày đã biết các lối Katakana, Hiragana và Romaji. Có nhiều bản khác chữ Kana. Để hơn hẳn hết các sách đã xuất-bản.

Sọan giả: NGUYỄN-THỐNG — Giá 1\$00

Cứ nhận xét một việc lý-thủ sau này đủ rõ mấy xơ vừa nói trên dùng ngựa kéo xe ra trận thật là bất chước của Tàu. Tiếng Tàu gọi chung cả bốn con ngựa kéo xe là từ (駟), mà họ đọc là « si » thì người Hebrew gọi là Surin, và ở Babylone người ta gọi là Sian, đem so sánh với tiếng « si » theo âm Tàu có khác gì nhau mấy đâu.

Đời nhà Chu trong ngựa, cho nên sáng-lập ra chức quan Đại-tư-mã, có danh-vị và quyền-hành rất lớn ở triều-dinh, chuyên chủ về công việc nuôi ngựa, dùng ngựa. Kể ra bắt quả là chức vị coi ngựa của một chủ xã-ích, đó-kể, nhưng thật là chức-vị ngang với Lục-quân-tổng-trưởng ngày nay.

Người ta nói nhà Chu nhất thống nước Tàu, một phần lớn nhờ vì khéo biết lợi-dụng sức ngựa làm vũ khí, tưởng không phải là nói quá đáng hay sai với sự thật chút nào.

Bây giờ, ta thấy trong thiên hạ thiếu gì người có tài nuôi ngựa nhưng chẳng qua họ chỉ ăn giải làm giàu hay được thưởng canh nông bội-tinh là cùng, không như đời xưa, một người có tài ấy đã dựng nên công-nghiệp đế vương, truyền cho con cháu, thế mới xứng đời!



Những ông Bá-Nhạc

Thật thời đời xưa có người tài giỏi nuôi ngựa mà hôn dất mà phát lợi đế-vương.

Tổ-tiên nhà Tần đều chuyên nghề súc-mục, nhất là có biệt-ái nuôi ngựa, do đấy mà xuất thân vinh-hiến.

Sử-ký chép truyền Tào-phủ — một vị tổ-tiên nhà Tần sau này — vốn sẵn nghề nuôi ngựa và cầm cương đánh xe tuyệt khéo Vua Mue-vương nhà Chu nghe tiếng, gọi đến; Tào-phủ kén chọn cho nhà vua được bốn con ngựa đặc-biệt, rồi dâng xe đi đầu nhà vua tuần thú ở miền tây. Vua hân vui quên về, có kẻ thừa cơ nổi loạn ở kinh thành, nếu vua không về mau thì nguy. Tào-phủ đánh xe cho vua rong ruổi về Chu, mỗi ngày đi ngàn dặm, vừa kịp thời giờ giúp yên cuộc loạn Mue-vương nhờ công ấy, lấy Triệu-thành phong cho Tào-phủ.

Cách sau Tào-phủ mấy đời, đến cháu chất là

Phi-tử cũng giỏi nghề nuôi ngựa, vua Chu Hiếu-vương cho triệu, sai nuôi ngựa ở khoảng sông Vị, ngựa sinh sủa nhiều và béo tốt lạ lùng.

Về sau con cháu Tào-phủ và Phi-tử dựng nên nhà Tần cường-thịnh, truyền đến Thủy-hoàng, có một lúc thống nhất Trung-quốc, để lại những trang dăm máu bạo ngược trong lịch-sử.

Ta nên biết Trung-quốc đời xưa gọi vị thần ngựa là Bá (伯), gọi nhà chuyên — môn nghiên cứu về ngựa là Bá-nhạc (伯樂). Thuở nay người ta vẫn truyền tụng Bá-nhạc giỏi xem tướng ngựa, hề con ngựa nào được Bá-nhạc để vào mắt xanh, chính là thiên-lý-mã đấy. Những người hẳn lầm nghĩ Bá-nhạc là một tên người, nhưng kỳ thật chỉ là danh-hiệu chuyên-môn của một chức-nghiệp một nghề thuật vậy.

Hai họ Chu Tần đều là dân tộc Tây-nhưng nổi lên, tiến về miền đông, làm chủ Trung-quốc. Gọi là Tây-nhưng, vì hai họ Chu Tần cùng thiên nuôi

ngựa và dùng ngựa 1 m khi-cu chiến-tranh; « nhưng » tức là chiến-xa, như đoạn trên đã nói, cho nên lịch sử lấy chữ Tây-nhưng đặt tên, vì có nguyên-ủy như thế.

Sau Tần đời Hán, nước Tàu mới có những đội quân kỵ mã ra đời.

Lúc ấy ở mé Tây-bắc nước Tàu, tức là Mông-cổ ngày nay, có dân tộc Hung nô, hùng cường và thiên-chiến, nhờ có những đạo binh cỡi ngựa rất giỏi lui tới xông pha, thường đánh

« ào bờ cõi nhà Hán mà quân Hán đối đ ch bị thua luôn-luôn. Vì đó nhà Hán cũng phải lo huấn-luyện kỵ-dội và chăm lo chính sách nuôi ngựa như đời Chu Tần trước.

Có điều trải từ Tần đến Hán, người ta hết sức chán nuôi cào nhon, ngựa Trung-quốc cũng chẳng được cao lớn khỏe mạnh như giống ngựa sinh sản quanh vùng Thiên-sơn ở về mé tây.

Đến Hán Vũ-đế, chinh-phủ trực tiếp giao-thiệp với các nước Tây-vực, tức là các nước ở quanh vùng Thiên-sơn, bấy giờ mới biết Thiên-sơn có nhiều giống ngựa tốt. Sách đời Hán nói ở những xứ Ô-tôn, Đại-ý, và các nước ngựa mô-hô đó như máu, vốn tự ngựa — trời sinh để ra. Đại-ý và Ô-tôn hồi đó, chính là địa-phương Chuen-act-như ở Mông-cổ và đất Turkestan ngày nay.

Nhà Hán thêm thường giống ngựa ở vùng ấy hết sức, đến nỗi không ngại ngại đánh đổi một ngàn công-chùa cho được lấy ngựa.

Theo sách Sử-ký của Tư-mã — vua xứ Ô-

CÓ BÁN TẠI KHẮP CÁC HIỆU SÁCH LỚN! MUA NGAY KÈO HẾT

Nói tiếng Nhật

Manuel pratique de conversation Japonaise - Annamite Français - (Avec prononciation du Japonais en Annam te et en Romaji) (Chữ Nhật có âm đọc theo lối La-mã và quốc-ngữ).

Rất tiện cho những người Nam muốn giao-thiệp với người Phi và Nhật.

Sọan giả: ĐẠO-NGUYỄN — Giá 0\$80

Vương-Dương-Minh⁽¹⁾

Chúng ta không nên ngần ngại xem xét tâm-học của Dương-minh đủ các phương-diện, thêm kỹ chừng nào càng hay chừng ấy. Ta đọc mà chịu khó ngâm nghĩ sâu xa, sẽ cảm thấy những chỗ hứng-thú âm thầm về nhân-tâm thể-đạo chính ta không ngờ.

Huống chi tâm-học ấy chính là nền tảng đề cho Dương-minh dựng lên hai tòa lâu đài cao ngất của Nho-giáo, là hai thuyết « lương tri 良知 » và « Tri hành hợp nhất 知行合一 », đã được sĩ phu nước Nhật tin-ngưỡng và thần-phục xưa nay. Họ bảo từ xưa Nhật-bản được hiểu Nho-giáo khác hơn Trung-quốc, Cao-ly, Việt-nam, rồi sau mạnh bạo duy tân tự-cường được, một phần rất lớn, nhờ học - thuyết « lương tri » và « tri hành hợp nhất » của họ Vương rung động kích-phát.

Bởi thế, ta càng nên nhân biết tâm-học trước, cho dễ hiểu hai thuyết nọ sau.

Chắc hẳn các ngài cũng suy nghĩ như tôi, chúng ta có cái tâm, lẽ nào lại chẳng muốn cho nó được luôn luôn trong sạch sáng suốt không bị tư-dục mờ ám, tức-thị giữ mình và giao tiếp với mọi sự-vật được phải đạo hợp lẽ. Nhưng một khi nó bị ám-ảnh, buông lung, sai lầm, hư-hỏng, hẳn không phải là một vật mà ta có thể trừng trị bằng cách đề xuống đánh đòn hay là bỏ tù kết án gì được, vậy có cách gì lôi kéo nó trở về con đường ngay thẳng được không? Nhất là có phương-pháp nào ngăn ngừa trước, đừng để nó lầm đường lạc lối hay không?

Có, Dương-minh dạy chúng ta phép « khắc-kỷ 克己 », nghĩa là tự mình cai trị lấy tâm ý mình.

(1) Đọc T.B.C.N. từ số 82.

XXIV

Một bài học lạ : bắt
chước mèo rình chuột

QUÁN-CHI

Ông nói con người ta lúc mới cầu học — hay là người lúc mới đến tuổi trưởng thành — tâm ý thường lan man, bèn bồng, không có gì nhất định, khác

nào chiếc thuyền linh-đỉnh không lái, phó mặc chiều nước ngọn gió, khi rat sang phía bắc, khi đánh qua hướng nam, muốn tìm bờ bến nào vào cũng chẳng được. Người ta ở vào thời kỳ trẻ trung, nông nổi, chẳng mấy ai khỏi lạc lòng vô-dịnh như thế.

Đã vậy, trong trí hay suy nghĩ vô văn, có lúc toan cầu cả mặt trăng, lại có lúc trông rỗng như bên trong chẳng đựng một ý nghĩ gì hết. Mỗi tư-lự thường chiều theo một bề tư-tâm nhân-dục, dễ bị vạ-chất cảm dỗ, lôi kéo. Con ngựa tuột cương chạy cuồng thế nào, tâm họ lúc ấy chênh choáng, lỏng bồng cũng thế. Nếu chẳng kịp thời kiềm chế và đem về đường chính, thì dù không đến nỗi sa-ngã đáng hươu, cũng thành ra con người không khí phách, không chí hướng.

Vì thế, Dương-minh khuyên nhủ học-gã nên tập tĩnh-tọa; mỗi ngày nên có một lúc lâu ngồi yên lặng tĩnh-mịch một mình, nghĩ hãm mọi sự tư-lự vẩn-vơ cốt để thu-câu cái tâm, không cho nó thả rong đi phiếm. Vì như ta có một đứa con cưng phòng sợ nó chạy rong ngoài đường chơi bởi phóng dăng với lũ trẻ vô-lại, hoặc rủi ro bị những tai họa không ngờ, cho nên ta phải cầm giữ nó ở nhà với ta vậy.

Ta tập tĩnh-tọa được ít lâu, sẽ thấy tâm ý yên ổn nhất-định, không vật vờ trôi nổi như trước nữa.

Nhưng có nhiều học-giả hiểu lầm công-phu tĩnh-tọa của Dương-minh chỉ bảo. Họ tưởng ngồi tĩnh-tọa là phải khoanh tay nhắm mắt, như kiểu mấy nhà-sư ngồi

tham thuyền nhôp định, hăm tất cả bộ máy tâm não đứng tại, không cho nhúc nhích, đến nỗi con ruồi đậu trên mép không được xua đuổi, hay là ông có làm tổ trên đầu cũng mặc kệ.

Tĩnh - tọa theo lối ấy, té ra trở trở bất - động như đồng tro nguội lạnh, như nhánh cây héo khô, Dương-minh cho là hư-không, vô ích, không đứng với tôn-chỉ thánh-học.

Muốn chữa bệnh đó, ông lấy phương thuốc « khắc kỷ » dạy bảo người ta tuy ngồi tĩnh-tọa mà tâm không phải biếng nhác bất-động. Trong lúc ấy, ta không tự lự vẩn vơ, nhưng nên dụng tâm trở lại tìm tòi suy xét trong mình, xem có điều gì thiên về nhân-dục tức là bất hợp thiên-lý, thì nên mạnh bạo sửa đổi.

Lúc ấy ta đưa con tâm ra kiểm-duyệt, sát-hạch phạm trong gang-tấc có dính chút nào là mầm giống tư-dục, ví dụ hiếu-tai, hiếu-danh, hiếu-sắc, kiêu-xa, bất-thiện v.v. ta xem xét cần nhắc cho kỷ rồi lột mặt-nạ nó xuống, nhờ cả gốc rễ nó lên mà quăng đi, đừng cho những mầm giống ấy bao giờ lại có thể phát ra. Đó là công-phu tự mình xem mạch trị bệnh cho mình, và phải trị đến tuyệt căn-tuyệt nọc, không được ngăn ngại.

QUỐC-HỌC THU-XA

Đã phát hành

THI-THOẠI

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà yêu thơ, nghiên-cứu thi-học, văn-học. Dày gần 300 trang, giá 2p00. Giấy bounfant và giấy lệnh chỉ (mỗi loại con hai bộ) 4p00. Thư và ngân-phieu gửi M. LÊ-VĂN HIỂU 16Bis Tinh Tien Hanoi

CAI A-PHIÊN

«Tư-Nhật-Khước-Yên-Hoàn»

Giá: Nghiên cứu 7\$ - Nét 3\$50 (ở xa phải mua đóng như đây mới khỏi cái dở dang mà hết thuốc) và nhỏ uống từng ngày 1\$00. Sẵn Nhung Tuyệt-Cần 1\$50, Hương-Tuyệt-Cần 2\$50. Các cụ già lão, các ông yếu đuối, trước khi cai phải dùng thuốc bổ TIẾP-ÂM-HOÀN số 4 giá 1\$20 cho khỏe đã.

Sản, ngựa, lợn, chồn, nhọt

Lở hoặc mụn nhọt khắp cả người là vì máu nóng độc, ở nơi nước độc, uống Trừ-Sang Tiêu-Dộc 0\$25. Sản ngựa nửa dưới người vì thấp nhiệt hoặc nọc Hư-cam, Giang-mai, uống Tiếp-nhiệt Thải-Lở 0\$50. Bệnh kinh-niên và nặng, chữa và trẻ em uất Cam Thanh-Dộc 0\$20 bộ, 7 tuổi trở lên uống được Đại-Bổ-Huyết-Bạt-Dộc, bởi Lở Bề 0\$20, Tâm Sóng 0\$30. Ở xa mua thuốc gửi Hà-Nội hoặc giao nhận, nhưng phải trả 1/2 tiền trước, nếu không xin miễn phí, ngân-phieu để: M. NGÔ-VI-VŨ, Việt-Lông Số Hàng Bè Hanoi, Đại-lý: Mai-Linh Hải-phong Saigon, Việt-Lông Nam-dịnh, Quang-Huy Hải-đuong, Đại-Trí Ninh-biên, Hà-Vân Haidong, 30 Tân-cử Tuyên-quang, Cấp-Tiến Camphaport, Quảng-Trị Chợ Rã Bắc-kạn, Ngõ 10 -Thị-Sam-tua Thái-Li Tuấn-hóa, Sinh-Huy Vinh, Hương Giang Huế.

Theo ý Dương-minh, trong thời-gian đó người ta phải làm như con mèo rình chuột, để hết tâm lực vào kẻ thù, vào miếng mồi, tai nghe cho thích, mắt dòm cho lanh, hề thấy có mây-may tư-tâm tư-dục nào hồ mọc ra thì vỗ ngay lấy nó mà giết chết tức thời. Ta dùng công phu « khắc kỷ », trừ diệt hết thấy tư-tâm tư-dục không còn mọc đầu sủi tăm lên được nữa bấy giờ tâm ta sẽ được ngay chính.

Nhưng, công-phu « khắc kỷ » không phải là một việc dễ dàng đâu.

Tiếng nói là sửa trị mình, mà có cái mình xác thịt (軀殼) và cái mình chân-chính (真己) vẫn không rời nhau, nếu ta không khéo thể-nhận, tất dễ nhầm lẫn.

Câu chuyện kể ra sau đây, ta nên để ý.

Môn-nhân là Tiêu-Huệ tự thấy việc « khắc kỷ » rất khó khăn, một hôm thú thật chỗ ấy và hỏi Dương-minh:

— Thưa tiên-sinh, lòng tư của con người ta khó nổi sửa trị, biết làm thế nào?

Dương-minh hỏi lại:

— Lòng tư của nhà người thế nào, thử bày tỏ cho ta nghe, ta sửa trị giùm cho.

« Phải biết con người ta phải có lòng vì mình mới có thể sửa mình. Có biết sửa mình thì mới có thể thành-tựu cho mình. 人須有為己之心, 方能克己. 方能成己 ».

(Còn nữa)

QUÂN-CHI

TRANG BỪNG

CHỈ VIẾT 5 CHỮ MÀ GIẾP YÊN ĐƯỢC GIẶC

DANH-NHÂN
NƯỚC NHÀ

CỦA SỜ-BÀO

Hôm mồng bảy tháng ba vừa rồi, tao-nhân mặc-khách, nữ tử nam-thanh đã rập riu lũ lượt cùng đi thăm hội chùa Thầy. Chùa Thầy, một danh thắng ở làng Sài-khê, phủ Quốc-oai tỉnh Sơn-tây, một di tích của vị cao

tăng Từ-ạo-Hạnh đến tu hành ở núi ấy trước đây chừng một ngàn năm nay. Ngoài những thắng cảnh mà các bạn đã thưởng-ngoạn, các bạn đã chú ý đến hai di-tích của một danh-nhân đã vì yêu mến cảnh Sài-sơ, to

điêm vào cho thêm đẹp. Đó là hai đại cái hồ rộng trước mặt chùa, do ông Phùng khắc-Khoan đứng bắc, bên tả là Nhật-tiên kiều, bên hữu là Nguyệt-tiên kiều.

Nói đến ông Phùng khắc-Khoan, các bạn tất nhận ngay ra là một nhân-vật quan trọng trong cuộc trung-hưng của nhà Hậu-Lê vào khoảng thế kỷ 16. Chẳng những về văn học và chính trị ông đã từng nêu cao những tâm gương sáng, ngay về kỹ-nghệ và sự sinh hoạt của dân nước ông cũng có công gây dựng, lưu truyền đến ngày nay.

Ông Phùng - khắc - Khoan người ở làng Phùng-xá - tục gọi là làng Bùng - thuộc ông Thạch-xá, huyện Thạch-thất tỉnh Sơn-ây bây giờ.

Tục truyền ông là anh em cùng mẹ khác cha với ông Nguyễn bính Khiêm (tức trong Trình). Vì vậy từ bé ông đã được ở ngay áo cơm văn học

nguyên-nguyên, tư chất ông rất thông minh, học đâu biết đấy, lại được ông Khiêm hết lòng dạy bảo, nên năm mới hai-mươi tuổi, đã có học lực rất uyên-bác, văn tài rất lỗi lạc.

Cũng vì có công dạy bảo của ông Khiêm, nên cũng như ông Khiêm, ông Khoan rất tinh thông thuật-số. Bấy giờ thế lực nhà Mạc vẫn còn mạnh nhưng ông suy tính kỹ càng biết chắc mệnh vua nhà Lê thế nào cũng lại trung hưng, nên cứ nán nã đợi thời, không chịu dục các khoa thi của nhà Mạc.

Muốn biết rõ tiên-trình, ông lại hỏi ông Khiêm. Sau khi suy tính ông Khiêm cũng nói rõ về lẽ nên theo Lê. Bấy giờ ông mới quyết định chí hướng, theo ông Lê bá-Kỷ vào Thanh-hóa, dự cuộc hương thí do vua Lê mở để kén nhân tài, ông được đỗ đầu.

LẬU, GIANG-MAI, HỢT XOÀI...

Đức-Thọ-Bường

131, Route de Hué - Hanoi Thuộc Lậu 0\$80 một hộp uống một ngày, Giang-mai 1\$00.

Nhà thuốc chế độ cả các thứ thuốc Cai-na-phiên, Đỗ thận, điều-kính, Khí hư, vẩn vẩn... Nhữn luyện thuốc lễ theo đơn hoặc theo mạch.

Sau đó ông vào yết kiến quan Thái-sư Trịnh-Kiểm. Trong khi nói chuyện, Trịnh-Kiểm hỏi gì ông cũng đều đáp rất trôi chảy. Thấy người đã có học thức rộng, lại có mưu lược cao, Kiểm đem lòng kính trọng lắm, liền dùng làm chức ký lục ở ngự-doa-nh, và coi tư-vệ quân, trước khi làm việc gì cũng cùng ông bàn định. Bọn người thân cận Kiểm có ý ghen ghét, thường chêm lời đâm phá. Khi lại càng tỏ ý tin dụng và nói:

— Phùng - khắc-Khoan là Trương-tử-Phùng của ta đây, các người hiền sso được mà dám nói càn.

Thấy Kiểm thực lòng tin dụng, ông cũng hết lòng giúp đỡ. Sau khi vua Lê đã trở về Thăng-long, ông vâng mệnh đi kinh lý các phủ huyện, chiêu tập các dân lưu-lán dần lại về đô yên nghê lập làm ăn, được thăng chức Lễ-bộ cấp-sư.

Sau vì một việc trái ý vua, ông bị đày ra thành Hà-nam ở phủ Tương-duong. Ông có làm mấy bài thơ ca quốc-âm như bài: « Ngự-phủ nhập Đào nguyên » là ý trang thanh với việc nước mà không được nhà vua soi xét. Các bài này nhiều người truyền tụng, thán đến tại vua. Vua triệu ông về triều phục chức.

Năm Quang-bưng thứ ba, vua Thế-tôn mới khoa thi hội cho các quan chức được dự thi, ông đồ nhị-gấp tiến sĩ tức là hoàng-giáp. Bấy giờ ông đã 58 tuổi.

Năm Quang-bưng thứ năm, ông các quan về ở nhà riêng Vạn-lại. Đến năm sau, nhà vua lại cho gọi ra làm chức Hồng-lô tư khanh.

Vua Lê đã đuổi được nhà Mạc, khôi phục đất nước, lại cử sứ bộ sang Tàu cầu phong vương, Phùng - khắc-Khoan đứng đầu sứ bộ. Bấy giờ nhà Minh làm vua nước Tàu, họu quyền thần ai của đất của nhà Mạc không chịu thừa nhận sứ - bộ nhà Lê. Ông Khoan phải đưa thư biện bạch và khỏe giao thiệp với các quan biên cảnh Tàu ở Quảng-tây mới được đi vào đất nước Tàu.

Khi đã lên được đến Bắc-kinh, bắt đầu phải vào bộ Lễ để trình khám các công phẩm lại gặp một việc rất khó khăn. Nguyên nước ta từ đời vua Lê Thái-tổ dù đánh đuổi được quân Minh ra khỏi đất nước, thống nhất khu vũ rồi, nhưng đứng trước thế lực của một nước láng giềng mạnh lớn, muốn khỏi cái nạn xâm-lược, bắt buộc phải phụng cống cầu phong.

Trong các thứ phải đem cống, vua Minh bắt phải có một hình người đúc bằng vàng để thay quốc-vương theo lễ phải thần sang triều kiến, và một người vàng đến mang Liễu-Thùng bị quân ta giết chết khi vua Lê Thái-tổ ra phục quốc. Trong hai người vàng ấy có hình Liễu-Thùng về sau do sứ-thần ta lấy lễ phải tranh kiện được bỏ đi,

còn hình quốc-vương, thì cứ 3 năm một lần tiến cống lại phải theo qui-chế của họ đã định rõ làm đúng đem dâng.

Khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, cũng sai sứ tiến cống cầu phong, vua Minh bực tội và bắt buộc phải đổi chính người bằng vàng cái đầu ngự ý tạ tội. Muốn được yên chuyện, Đàng-Dung cũng phải vàng theo. Bấy giờ sứ bộ nhà Lê đem trình các công-phẩm. Theo lệ cống phẩm cũng phải có người vàng, nhưng lại làm hình ngựa mặt, chứ không cúi đầu. Thấy vậy, bộ Lễ Tàu không nhận và không cho vào



hệ kiến vua Minh. Ông Khoan lấy lý biện bạch, nói họ Mạc làm tội cướp ngôi là kẻ có tội, nên làm hình người cúi đầu là phải, còn nhà Lê thống trị nước Nam một cách quang minh chính - đại, đối với Thượng-quốc từ xưa vẫn giữ lễ triều cống, không bao giờ dám thiếu, người vàng hình ngựa, lệ định rõ ràng. Ngày nay Thượng-quốc lại đem cách đối với họ Mạc mà đối với họ Lê, sao gọi là công bằng. Thấy lời nói phải lý, quan bộ Lễ lâu lâu, vua M nh chuẩn cho từ nay hình người vàng của họ Lê được theo lệ trước, và định ngày cho sứ

thần vào bộ kiến.

Khi ở Bắc-kinh, nhân gặp lễ Vạn-thọ của vua Minh, ông Khoan dâng một tập thơ 36 bài. Vua Minh xem rồi lời ngợi khen và phê mấy câu rằng: « Nhân tài ở dân cũng có, xem thơ của Khắc-Khoan ta thấy có tài học rộng, lại đầy giọng trung thành, thực đáng nên khen ».

Trong khi ấy, ông lại gặp sứ thần Triều-tiên là Lý-tụy-Quang, hàng ngày ông cùng Lý đi lại xướng họa, Lý lấy làm kính phục lắm.

Việc phụng sứ được thành công, khi trở về nước, vua Lê, chúa Trịnh đều đem lòng kính trọng ông. Riêng chúa Trịnh mới khi nói ông chỉ gọi là « Phùng - khắc » chứ không gọi tên. Cũng vì việc đi sứ này mà tục truyền khi ông ở Bắc-kinh vì dâng tập thơ được vua Minh phê cho đồ Trạng - nguyên. Vì thế người ta mới gọi ông là « Trạng Bùng ». Điều đó là lầm, cái hay biện « trạng Bùng » đó là người nước ta vì đã

kính phục tài cao học rộng mà tặng ông, chứ không phải là tự vua Tàu. Ta nên biết việc kén người bằng khoa cử ở nước Tàu ngày xưa rất nghiêm khắc và khó khăn, khi nào chỉ vì có mấy chục bài thơ mà họ lại cho là trạng-nguyên ngay được. Một lỗi do dính chính sự sai lầm ấy, là trong chính sử không dẫn nói đến, nếu có thực, chẳng những là sự về vàng riêng cho ông Khoan, lại chính là sự về vàng chung cho cả nước, khi nào chính sử lại bỏ qua. Ta là người đời sau, nhắc đến người đời trước, nhất là đối với những danh nhân như ông Phùng khắc-Khoan này,

ta chớ nên nói mớ theo những câu vô lý đó.

Đi sứ Tàu về, ông đã 70 tuổi. Vua Lê thăng cho ông chức Lễ-bộ tả thị-lang, Mai-linh-hương, Vua Kinh-tôn lên ngôi, ông được thăng Hộ-bộ thượng thư, Mai quận-công, rồi xin về trí-sĩ.

Tục truyền giữa khi ông về nghỉ ở quê nhà, triều đình bỗng gặp một việc rất khó khăn. Một hóm các quan coi biên cảnh, báo tin có sứ thần Tàu đến ở xa quan, trước hết giao cho một cái hộp nhỏ. Nói bên trong có mấy vuông lụa vẽ viết hai chữ to, nói về vua nước Nam hiểu được nghĩa hai chữ ấy nói gì thì lại cho triều cống như xưa, nếu không sẽ đem quân đánh.

Vua chúa với cho triệu tập các đình thần, mở hộp lấy mấy vuông lụa ra xem thấy ở trong có viết hai chữ: « Thanh thủy 靑翠 » rất to, ngoài ra chẳng còn chữ gì nữa. Vua chúa và cả đình thần chẳng ai xét đoán được là họ định nói gì. Chúa Trịnh sức nhớ đến ông, liền sai sứ về triệu ra kinh sư. Tới nơi, ông nhìn ngắm rồi nói rằng:

— Đây cũng chỉ là một cách đùa chơi của người Tàu, chứ chẳng có gì lạ cả, chữ « 靑 »

là ba chữ « 十二月 », chữ « 翠 » là hai chữ « 出卒 » nghĩa là tháng 12 thì ra quân. Đó chỉ là ý dọa mình đó thôi.

Nói xong ông viết rõ năm chữ « 十二月出卒 » ngay bên cạnh hai chữ « 靑翠 », xin vua lại bỏ vào hộp gửi đi. Thấy nước Nam đoán đúng được, sứ Tàu trở về và không sinh sự gì.

Nói đến ông Trạng Bùng, ta không thể quên một sản vật ở tỉnh Đoài, từ xưa đã hầu thành một thứ phụng dâng cho khắp các nơi trong xứ đầu đầy đều cần dùng để may quần áo và nhất là làm khăn đội đầu. Đó là một thứ lụa dệt bằng tơ, người ta gọi là « lụa Bùng » từ đó ở làng Bùng chế ra. Làng ấy biết

Cuộc trưng cầu ý kiến

Nhiều món nữ trang mới chế 1942, bông, vòng, chuỗi pendentifs nhận ngọc thạch thứ thiệt. Vòng nửa mặt nhận một xoan một lòng lảnh như kim cương.

QUẬN CHÚA
21, Rue Amiral Courbet Saigon

SAVON

DENTIFRICE

LAURÉAT DU CONCOURS

DE L'ARTISANAT

INDOCHINOIS

DISTRIBUTEUR : **PHUC-LAI** 87-89, Route de Huế

HANOI - TÉLÉPHONE 974

EXCL. COCHINCHINE - CAMBODGE : TAM HUU HIẾP & C^o

39, BOULEVARD GALLIÉNI - SAIGON

được nghề dệt lụa cũng là nhờ có Phùng - Khắc - Khoan đã truyền lại vậy. Vì khi ông sang sứ Tàu, đi qua đất Thục tức là tỉnh Tứ-xuyên bấy giờ, thấy một xưởng dệt các thứ bằng tơ, ông liền ở lại, hàng ngày đến xưởng xem xét, mất công đến 7 tháng mới xong, rồi đem về các cách làm tơ và dệt chỉ thề mào, ông biên chép vào một cuốn sách nhỏ, khi về nước truyền bảo cho người trong làng, làm thành một chuyên nghệ cho, tới ngày nay.

Khi sứ mệnh xong, đi qua một cảnh đồng rộng mênh mông ông thấy thò dần dang-bé ngổ và nhỏ cây đậu tương là hai thứ nông-sản mà thổ sản nước ta chưa có. Nhận ra là hai thứ nuôi sống nhân dân, ông liền bỏ tiền ra mua ít hạt giống, nhưng nhân dân ở đó không ai dám bán, vì vua Tàu đã có lệnh cấm không ai được đem các hạt giống ấy ra khỏi đất Tàu. Gặp được của quý không lễ bỏ qua, ông cũng tìm cách giấu được một ít hạt giống ấy ở trong người. Khi đến các Nam-quan, quần lâu khám ngặt, ông phải khéo giấu vào trong người mới mang thoát. Tới nay, ngô và đậu tương đã thành hai nông sản trọng yếu trong nước chẳng những đủ nuôi sống nhân dân hàng năm lại bán được ra ngoài rất nhiều, thu về cho nước được những số lời hàng triệu. Công đức ông Phùng - khắc - Khoan thực không phải là nhỏ vậy.

Nay làng Phùng còn có đến thờ ông Phùng-khắc-Khoan và trong đền có bức tranh truyền thần ông. Họ Phùng từ xưa tới nay lúc nào cũng vẫn là một vọng-lạc ở làng ấy.

SC-BÁO

chiến-quốc sách

Năm thứ hai mươi Khoảnh Tương-vương

Sở Khoảnh Tương-vương 襄王 (1) năm thứ hai mươi, Bạch Khởi 白起 bại được thành Tả-lăng (2) nước Sở, rồi lại bại đất Yên, đánh Sinh, cướp gò Di-lăng (3) đốt mồ-tiên-vương nước Sở. Vua Sở phải chạy về Mê-Đông-bắc giữ Trần-thành (4). Nước Sở thành ra suy yếu, nước Tần khinh thị. Bấy giờ Bạch-khởi lại sắp đem binh đánh nữa. Nước Sở có Hoàng-Yết 黃歇 là người du học bác văn, Tương-vương cho là khéo biện bác khiến đi tới Tần.

Hoàng-Yết nói với Tần Chiêu-vương rằng: «Thiên-hạ bây giờ không nước nào chèo bồng Tần và Sở. Nay nghe thấy nói đại-vương muốn đánh Sở thế thì giống như hai cọng đánh nhau, chớ ngại được lợi». Thiết tưởng nhà vua thân thiện với Sở thì hơn. Tôi xin nói vì lẽ gì. Tôi nghe có câu rằng: *cái gì đến cực thì phải quay trở lại, như mùa đông, mùa hè; quá cái cực thì nguy, như cái tảng cát cao lâu đều vỡ* (5). Đất của nhà vua đây bằng nửa thiên-hạ lại tỏa bao-à hai bên, từ khi có loài người đến giờ chưa có nước nào lớn được như thế. Nước Tần ba đời nay: Văn-vương, Trang-vương và nhà vua đây, không lúc nào nước gấp với Tần được để tuyệt cái tung ước hiệp chề của các nước khác (6). Nhà vua khiên Thịnh-Kiều 盛轍 giữ việc ở nước Hán ba lần. Thịnh-Kiều đem nước Yên ở trên bắc vào triều cống Tần, nhà vua không phải đương uy mà được thêm đất trăm dặm, tài của nhà vua thế cũng cao đấy. Nhà vua cất quân đánh Ngụy lập của Đại-lương (8), lấy đất ở Hà-nội (9) bại thành Toàn-tảo (10) của nước Yên, đánh tan đất Đào-nhân (11). Quân của Yên và Sở tan như mây không dám chống cự, công của nhà vua thế cũng nhiều đấy. Nhà vua nghĩ binh hai năm rồi lại đánh lấy đất Bê-diễn, Thử-viên (12) để đi tới đất Bình-khâu, Tiều-hoàng và Tê-dương (14), thế là nước Ngụy phải phục, nhà vua lại cất đất ở miền bắc sông Bộc và đất Ma (14) cho nước Yên để tuyệt cái yêu-ước Tề và Tần, chặt đứt cái trợ của Ngụy. Thiên-hạ tám năm tám ba mà

chẳng dám cự. Uy của nhà vua thế, kẻ cũng lừng lẫy đấy. Nếu nhà vua muốn bảo toàn được cái công, cái uy ấy, thì nên bớt việc chinh chiến và làm rộng việc nhân nghĩa ra, như thế mới khỏi phải lo về sau. Tam vương chỉ có ba không có bốn, ngũ bá chỉ có năm không có đến sáu, nên nhà vua ý có đánh đều, binh mạnh mà phá cái uy của Ngụy, dùng sức mạnh mà bắt chư hầu làm tôi-thì tôi sợ có hại về sau. Thì có câu rằng: «*靡不有初 鮮克有終*» (Mở bắt hưu sơ, Tiền khởi hữu chung.) (15). Dịch có câu rằng: «*狐濡其尾*» (Hồ nhu kỳ vĩ) (16) lấy nói lúc đầu thì dễ làm nhưng cuối khó giữ trọn được.

«Sao biết như thế? — Họ Tri 智 chỉ thấy cái lợi đánh Triệu mà không ngờ có cái họa ở Du-thứ (17); Ngô thấy cái tiện đánh Tề mà không ngờ có cái họa ở Can-toại (18). Không phải là hai nước ấy không có công lớn đâu, chỉ tội tham cái lợi trước mắt mà quên cái họa sau lưng vậy. Ngô quá tin Việt mới đi đánh Tề, thắng được Tề ở Ngải-lăng (19) nhưng bị Việt-vương bắt ở Tam-giang (20). Tri-thị quá tin Hàn, Ngụy đi đánh Triệu, vây thành Tấn-dương sắp hạ được thì Hàn, Ngụy hãm. Ba-tri-Đạo bị giết. Nay nhà vua giết nước Sở vì chưa diệt được Sở mà quên mất rằng hủ Sở đi thì làm cho Ngụy mạnh lên. Tôi lo cho đại-vương chỗ ấy. Cứ lấy đây mà xét thì nước Sở chính là nước cứu viện cho Tần mà chính nước ở kề bên là nước thù địch thì có câu «*他人有心 予度之 隰離泥泥 遇大災之*» (Tha nhân hữu tâm, Du thôn đặc chi, Được sấm thổ, ngộ khuyển ngoạ chi) (2) Nay nhà vua cử mộ lòng tin Hân và Ngụy có lòng trung với mình đó chính như là Ngột tin Việt vậy. Tôi nghe nói: kẻ địch không thế đối, khác được, thói không thế bỏ mất được. Tôi sợ Hân, Ngụy chỉ giả những lời dễ lừa dối Đại-vương ấy thôi. Sao biết thế? — Nhà vua không có đức gì với Hân, Ngụy, chỉ có cái oán lũy-lũ mà thôi. Cha-con, anh-em dân nước Hân, nước Ngụy nói gươm nan chết vì Tần làm hàng bao nhiêu đời rồi. Nước bị tàn phá, xơ xác đó, rồi miên miên, dần thì nó bị thống phạt; rách nát, dần là mình, xuống

phơi ở đồng, già trẻ bị bắt, đất - dìn nhau đầy đường, cái thân không được cúng tế, phải phụng như yêu ma, trăm họ không còn buồn sống, họ hàng lìa tan, lưu vong đi làm tôi tớ khắp mọi nơi. Nước Hân, nước Ngụy mà còn chưa mất thì xử tắc nước Tần còn phải lo. Thế mà nhà vua lại đi đánh Sở, chẳng nhằm làm ru!

«Vả lại nhà vua muốn đánh Sở thì phải binh đi đường nào? Mượn đường nước cừu-thì là Hân, Ngụy hay sao? Như thế binh phải đi ngày nào là phải lo sợ không về được ngày ấy, vì là đem binh vào nước cừu thù. Nếu nhà vua không mượn đường nước Hân, nước Ngụy thì phải đánh lấy đất ở bên hữu sông Tỳ (22). Chỗ ấy là nơi sông to, núi lớn, rừng rậm, hang sâu, không có lợi gì, dù nhà vua có lấy được đi nữa thì cũng như không. Nhà vua sẽ có cái danh đánh Sở mà không có cái thực. Ngày mà nhà vua khởi binh đánh Sở bốn nước (23) tất cũng khởi binh để ứng với nhà vua. Nếu sự bất-hoà Tần Sở không giải được thì Ngụy tất mang binh đánh các ấp Lưu, Phụng dư, Cui-hỗ, Lăng - đặng, Tiều-tương (24) thì nước Tống tất hết. Người nước Tề sẽ xoay về Nam, thì đất ở mé bắc sông Từ sẽ chiếm được hết: Những đất ấy đều là đồng bằng béo tốt nhà vua để cho họ đánh lấy cho họ. Nhà vua đánh Sở thì chỉ để cho Hân Ngụy héo khô ở Trung - quốc và làm cho Tề mạnh thêm lên. Sức mạnh của Hân Sở cùng ngang với sức mạnh của Tần. Nước Tề, bên Nam lấy sông Từ làm bờ cõi, bên đông tựa vào biển, bên bắc ý vào sông Hà thì không còn phải lo gì nữa. Bấy giờ trong thiên - hạ sẽ không có nước nào mạnh bằng Tề. Tề, Ngụy được đất thu lại mà lại xem xét công việc cần thân thì chỉ một năm, nếu chưa đủ sức xung để thì cũng thừa sức cầm nhà vua xung để rồi.

«Đất-dại nhà vua rộng, nhân dân đông, binh lính mạnh, mà nhà vua cứ sợ cho Sở phải oán, cho Hân Ngụy trái lịnh, cho Tề xung để, thế là nhằm to tới lo thay cho nhà vua. Chẳng bằng thân thiện với Sở. Tần, Sở mà hợp làm một để ứng nước Hân, thì nước Hân tất phải cúi đầu chịu phục. Nhà vua lại nắm những nơi hiểm ở Sơn-dông, giữ cái lợi ở sông Hà thì nước Hân sẽ là một nước chư hầu của Quan trung. Thế rồi nhà vua đem mười vạn binh đóng ở Triệt thì họ Lương phải khiếp sợ, những đất Hứa, Yên-lăng, Thương - thái, Triệu - lạng sẽ không thông được, thế là Ngụy cũng phải theo làm chư hầu của Tần. Nhà vua đã thân thiện với Sở rồi

đem hai vạn chiến xa đưa cả vào Tề thì mé hữu nước Tề, nhà vua cứ chấp tay mà ngồi cũng lấy được. Thế là đất của nhà vua ra liền tới hai mặt bể, thì Yên, Triệu không có Tề, Sở nữa, mà Tề, Sở cũng không có Yên Triệu nữa. Sau một mặt động binh ở Yên, Triệu, một mặt ắt ngụt Tề Sở thì cả bốn nước không cần phải đánh cũng phục được hết. BẢNG-HỮ dịch thuật

- (1) Khoảnh Tương vương: Vua Sở, húy là Hoàng 璚, con Hoài vương. Năm thứ 20 Sở Khoảnh Tương vương là năm thứ 36 đời Chu Mẫn vương 279 Trước Tây lịch kỷ nguyên)
- (2) Tây-lăng: Tên một ấp nước Sở. Nay thuộc tỉnh Hồ-bắc cũ
- (3) Yên, Sinh, Di-lăng, Nay đều thuộc tỉnh Hồ-bắc cũ
- (4) Trần-thành, tên đất, nay thuộc tỉnh Hà-nam.
- (5) Cái tảng cát cao mãi lên thì tất phải đổ.
- (6) Nước Tần, nước Sở cách nhau vì có Hân Ngụy ở giữa.
- (7) Thịnh-kiều: Quan nước Tần.
- (8) Đại-lương, kinh đô nước Ngụy. Nay là huyện Khai-phong tỉnh Hà-nam.
- (9) Hà-nội: Miền bắc sông Hoàng-hà nơi để đó các đò xưa cho nên gọi là Hà-nội, đối với miền nam gọi là Hà-ngoại
- (10) Toàn-tảo: Tên đất nước Yên. Nay thuộc tỉnh Hà-nam.
- (11) Đào-nhân - Tên ấp nước Ngụy. Nay thuộc tỉnh Hà-nam.
- (12) Bê-diễn: Tên đất. Nay thuộc tỉnh Hà-nam. Thử-viên, tên ấp. Nay là thành Trường-viên ở tỉnh Hà-bắc
- (13) Bình-khâu. Tên một hành cũ, nay thuộc tỉnh Hà-nam.
- (14) Bộc: Tên một con sông chảy qua nước Vệ.
- (15) Trích thư Đổng... thiên Đại-nhà, Nghĩa là người ta ai cũng có tính lành nhưng ít người giữ cho được đến cùng.
- (16) Nghĩa quẻ Vị-tế trong kinh Dịch, Ý nói con hổ nhờ không lợi qua được sông lớn, có qua được hết cái sông.
- (17) Du-thứ: Tên đất, nay thuộc tỉnh Sơn-tây, Tri-bá thừa ở đấy.
- (18) Can-toại: tên đất, nay thuộc tỉnh Giang-tô. Việt đánh Ngô thừa ở đấy. Phụ-sai phải từ văn.
- (19) Ngải-lăng tức là Ngải sơn, nay thuộc tỉnh Sơn-tây
- (20) Tam-giang vùng có ba con sông: Lân-giang, Tàng-giang và Đông-giang Việt phá Ngột ở vùng ấy.
- (21) Trích ở bài Sáo-ngôn, thiên Tử ngữ nhà nghĩa là: Ta có thể ước đoán được lòng người ta nghĩ. Con thỏ đã chạy nhanh nhưng gặp cỏ sân thì cũng bị bắt.
- (22) Sở đóng đô ở Trần về bên hữu sông Tỳ.
- (23) Bốn nước đây là: Tề, Hân, Ngụy, Triệu.
- (24) Bấy đất nay trước thuộc Tống, đến đời Chiến quốc thuộc Sở.

Con ngựa đi năm đường...

Ấu-châu lấy đó mà xem, đủ rõ các nước ở vãn bờ Địa-trung-hải thuở xưa cùng các nước Đông-trung có giao thiệp quan hệ.

Sự thật nước Hy - cơ - đặc lấy sức ngựa chiến mà xưng hùng ở phía tây Á - châu, ngựa ấy từ phương đông truyền sang mới có, không còn phải nghĩ gì nữa.

5' - Ở Hy-lạp đời xưa cũng chỉ thấy có chiến-xa, mãi sau mới có kỵ mã Trận chiến-tranh Troy có tiếng trong lịch sử, duy có chiến - xa xuất trận mà thôi cho nên các ông Homère và Hérionde đều không biết có công dụng của con ngựa là thế nào. Người Hy-lạp bắt đầu có sự-tích con ngựa đầu người (Hippo-centaure), đại khái là vào hồi thế-kỷ thứ 8 sau tây-lịch.

Thứ đến Ai-cập có ngựa, tường-truyền cũng từ phương đông đem sang.

Tóm lại, con ngựa dẫn đầu truyền bá sinh-sân khắp hai thế-giới đông-ây, hoặc dùng làm vũ-khí, hoặc dùng về giao thông, thật đã giúp ích cho lịch-sử văn-hóa thế-giới không phải là nhỏ vậy.

X.Y.Z.

SÁCH MỚI

T.B.C.N. vừa nhận được:
BÚT NGHIỆN của CHU THIÊN, dày 377 trang, giá 2\$, nhà HAN THUYỀN xuất bản.

BÔNG HẠNH PHÚC (tập hai) của LÊ VĂN TRƯỜNG, giá, 0\$60 nhà CỘNG LỰC xuất bản.

CON CHUỐI MÚ (sách Hoa mai số 15) của BUI HIỀN.

ĐỒNG XU KÈ CHUYỆN MÌNH của VŨ TRỌNG CAN, giá 0\$15.

Xin có lời cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu với bạn đọc.

ĐÀ CÓ BÁN ĐỦ BỘ BA QUYỀN

Còn - lớn Tiềm khách

của THANH-ĐÌNH

Ba quyền đóng thường 11\$60 - Bìa và mạ vàng 14\$00 - Bìa da mạ vàng 20\$00 - (tựa đóng bìa vải hoặc bìa da phải gửi mandat về trước).

NHỮNG SÁCH CÒN BẮT ÍT

LUYỆN SẮC ĐẸP của Vương-đệ-Dung Giá.	0\$70
BA CHY HIỆU-HIỆP của Thanh-Đình.	0\$20
VĂN QUANG ĐÔNG	0\$50
SÁU MÀN	0\$32
PHO TƯỢNG THẦN	0\$30
THÀNH SẦU HUYẾT LỆ	0\$50
TRĂNG LỤT (một quyển tiểu sử quái lạ rất thần bí của Lê-quý-Đôn) Nguyễn-văn-Thông biên tập	0\$50
CHIẾN TRANH chấp hết cuộc Âu chiến xảy ra từ 18-39 thật rõ những trận đánh nhau đáng bằng những khi giới nổi loạn.	0\$65

QUẦN-SƠN LÃO HIỆP

của Thanh-Đình - tương ra từng số, mỗi chủ nhật một kỳ.

Editions BẢO NGỌC 67, Nuyet Hanot - Tél. 781

PHÚC-MỸ

Một tiệm chuyên môn làm đủ các thứ giấy tây và guốc đàn bà kiểu mới, hàng tốt giá ả, bán buôn và bán lẻ

HÀNG PHÚC-MỸ

sản xuất rất nhanh chóng không đầu bằng, không làm mất lòng tin cậy của các quý Ngai. Xin chú ý thơ mandat xin gửi cho TRƯỞNG QUANG HUYNH 20\$, Rue du Commerce - Hanoi

Xem mạch Thái-tổ

GỢI BỆNH

Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ.

Mỗi lần. 0\$50

Đau dạ dày Phòng-tích số 6

Lâu tiêu, ngậm đau bụng, sôi, ợ

ách, ợ v.v... Giá 0\$60 một gói

Bổ dạ dày hậu sản, Đại bổ

nguyên khí kiên tỳ bổ vị số 41

(1\$50) đau bụng kinh niên,

gan, tức, mặt hậu sản v.v.v...

Khí hư bạch-trọc số 11

Ra khí hư một nhọc v.v.v... giá 1\$20

Nhà thuốc PHẠM-BÀ QUÁT

27, Hàng Th - Hanoi

KHIMỆ NHỌ VÌ NGỒI LẬU

ĐI XA, THỨC ĐÊM, KÉM ĂN

MẤT HUYẾT

CỬU-LONG-HOÀN

Vô - đình - Dân

Tổng phát hành toàn xứ Bắc-kỳ

Ái Lao và miền Bắc Trung-kỳ

Établissements VẠN - HÓA

Có bán thuốc VẠN - BẢO

chữa bệnh liệt-dương. Thứ

cho đàn ông và đàn bà khác nhau

TÌNH MẸ

Chuyện ngắn

của
TỪ - THẠCH



Một cánh cửa giữa mở, đón một bà trạc độ 35 beo, mặt tròn, cổ có nhiều nếp nhăn xếp lại. Hai vai áo bông đoạn lẹp lẹp những hạt mưa bụi. Bà ăn một cỗ bẻ vào trước, tóc cắt ngắn, mặc đầm, cái áo liền với cái váy màu đỏ như màu cà-chua chín: trên cổ áo có cái lá sen bằng dentelle chep nép.

— Kia, bà đốc Dư đã đến, mẹ cả ra đón.

Mẹ cả đây là con dâu cụ Trường và là vợ một được-sĩ.

Hôm nay nhà cụ đã đổ, đổ hết cụ ông. Họ hàng, khách mới dè dặt nhiều.

Giữa nhà, lủng lẳng trên trần một cây đèn mười hai ngọn ánh sáng rục rục soi khắp phòng, làm lóng lánh những thép vàng trên bức hoành-phí. Trong cùng, giếp với tường, ở chính giữa là cái sập bệ vệ trên mai bốn con rùa gỗ gụ. Đầu rùa bóng loáng, phản chiếu ánh đèn điện. Ở ngoài, phía ra cửa kẻ một bộ sa-lông tàu gỗ trắc. Giữa là một cái bàn mặt đá, bốn chân cồng, bốn cái ghế bành dựa mặt đá vân, hai cái đoàn kỷ giải đệm xanh có những hoa to và bóng như tơ.

Bà Đốc đưa mắt nhìn xung quanh thấy nhiều người và không biết hết là những ai; có đủ từ ông cụ quần cái khăn nhiễu tím tím, mặc cái áo bông tím bằng nhiễu tam-giang đến những ông trẻ tuổi bằng quần áo dạ sáu khuy, nơ đen. Ở một góc tường, bà đưa trẻ, hai đứa con trai mặc quần tây bằng nhung đen, áo măng-ô ngắn cũng bằng nhung đen có cái lá sen trắng nướ; đứa con gái nhón hơn, cắt tóc ngắn, mặc áo nhung đỏ; bà đưa đang cúi cúi nói nhỏ và chia tay nhau những vật gì.

1, Bà đốc khép nép đi như muốn thu nhỏ cái thân hơi bệ vệ lại. Đi gần tới sập, bà mới thấy được tự nhiên, vì đây là nơi hội họp của riêng các bà. Bà ghé tai nói thầm với nữ chủ nhân những câu gì, thấy bà này lắc đầu trả lời:

— Thôi, cứ về với làm gì.

— Không, sao lại thế, để tôi xuống lễ cụ.

2, Cụ trường ngừng cầm lên và nói một giọng lộng bụng những nước vì cụ đang nhai trầu và chưa kịp tìm ống phồng để nhả:

— Thôi, miễn cho bà Đốc bụng to, đi qua sân bị ướt cả.

3, — Không ạ, cụ có cho phép con xuống lễ cụ ông, con mới dám đi lại.

4, Chủ nhân đưa khách xuống nhà thờ. Nhà thờ làm riêng hẳn trong một căn nhà. Ở giữa là cái khảm. Đó chính là một cái đình tí hon.

có cánh cửa sơn sơn thiếp vàng, trên nóc có mặt trời mọc, hai bên có hai con rồng vàng uốn khúc; hai cái cột chống nóc cũng có rồng leo.

Lẽ xong ha, bà lại lên nhà trên. Bà đốc Dư hình như thấy lễ xong bà mới yên tâm, mới có thể vui vẻ góp truyện với những bà có mặt tại đây. Lúc trước, bà còn áy náy như chưa làm đủ bổn phận, nên không để ý đến ai cả. Nay bà đốc Dư với hai cái má hóp lại, hai mắt sâu hoắm, không biết ông Đốc nhà dân không tâm hổ để bà như người ốm đói trong bộ áo nhung đen của bà. Nay bà Kiên, vợ ông được sĩ Kiên, người này còn như con gái mười tám, tuy bà đã có hai con. Nước da mịn không đánh phấn, hai má hồng từ thiên càng rầy rõ rệt cái màu phấn hồng trên má bà Đốc Dư đã hơi rạn nứt mà một gài giang hồ quá lứa. Con ai mà trở thế kia? Bà cử Hiếu đó! Vợ ông Hiếu, tục sự tòa án sư thẩm. Miệng nở một nụ cười, một hàng răng nhỏ si vào nhau và bóng như màu ngà, bà H ếu vậy bà Dư lại phía mình:

— Lại đây! lại đây! Ông ấy đâu mà lại đi một mình. Jeannette học lớp mấy ở Félix Faure rồi?

Việc học tiếng Nhật

Muốn chóng biết tiếng NHẬT chữ NHẬT nên mua cuốn: **NHẬT NGỮ TỰ HỌC**

của ông Nguyễn Ngọc Loan soạn Tiếng Nhật giảng ra quốc - ngữ và chữ Pháp, đủ mọi luật, giản dị rõ ràng tự mình học lấy, dễ hiểu, chóng biết, đã được viên Tổng lãnh sự Nhật để tựa và ban khen rằng: « cuốn sách này kết quả của bao sự gắng công tận tụy và đáng khen, từ trước đến nay chưa từng có cuốn sách nào có qui thức như vậy, nó sẽ là cuốn sách học « cốt yếu » của cả một người văn văn ». Giá bán 2p, cước gửi 0p40, gửi C. R. thì 2p70, ngân phiếu gửi cho ông Nguyễn-di-Luân, directeur du

NAM - THIÊN THƯ - CỤC
37 - RUE DES PIPES - HANOI

Jeannette tên con gái bà đốc Dư đưa ngón tay trở lên ngực vào miệng, không trả lời gì cả. Có lẽ bà đốc Dư như người lạc vào thời. Có ta không quen trong cái không khí người nhón. Bà đốc Dư ấy sẽ con như để dành thừ:

— Kia, bà hỏi, sao không trả lời.

Jeannette li nhì trong mồm cái gì, không nghe rõ.

Bà Cử nói sang truyện khác.

— Ông ấy đâu?

— Nhà tôi, lúc sáu rưỡi lại có người mời đi đồ.

Bà Dư ngồi bên, từ nãy vẫn mãi nói truyện chỗ khác, bỗng quay lại vừa cười vừa nói kháy:

— Tao không đi theo à?

Bà nói thế là vì bà Dư xưa nay có tiếng là hay ghen; và bà ta trước kia hồi mới lấy ông Dư, thấy nói chồng đi đồ đồ, đi chửi bậy, thường riêng có trong đám phụ nữ (ông Dư chuyên môn về bệnh dân bà) thì bà không bằng lòng tí nào cả. Đã có lần bà khuyên ông bỏ cái thứ chuyện môn ấy đi, học sang chữ má, hay chữ trẻ con hơn. Nhưng ông Dư chỉ cười và cho là tại vợ chưa quen với những ý đó thôi. Câu truyện về sau không biết tại ai mà phao mãi lên, rồi người ta đặt thêm bảo mới lần ông Dư đi đồ thì bà Dư đi theo xem, để chứng kiến việc làm của chồng. Rồi thực ưn uống cho người đàn bà hiền lành ấy!

Ông được sĩ Tiến lúc đó ở phía ngoài v.o. Ông Tiến từ: là con cả cụ Trường. Ông béo. Hai má chảy xuống liền với những miếng thịt chộp nếp ở cổ. Hai tai ông chảy xuống có thành quách.

— Trông ông Tiến hao hao giống cậu Khả. Nhất là...

Bà Dư im bặt. Bà biết là mình lỡ lời, nói năng không có ý tứ. Cậu Khả là em ruột ông Tiến, con út cụ Trường. Cậu kém anh một giáp; ông Tiến năm nay chừng 35, 36. Cụ Trường có tất cả 4 con. Người nào cũng làm nên, có danh phận trong xã hội cả, trừ có cậu Khả. Tiến là nhón nhất, đến Hoàng trị huyện Đông-Lưu, Tuyên đồ kỹ sư học ở Pháp về hiện làm tại một nhà máy sợi. Người thứ tư là Khả. Không biết có phải tại mà không? Cụ Trường đã đi lễ, xem bói, nhờ thầy địa lý xem lại ngôi mộ nhỏ có ai trong làng ghen tị với danh giá của các con nhón cụ mà làm động đến long-mạch chẳng? Chữ sao, bốn anh em cùng một mẹ mà bà đưa anh học giỏi,

có phú, có quý, có danh phận, đưa em út lại suy đồn thế được! Từ năm mười tám, Khả đã tỏ ra là một đứa biếng học, lại hay đùa ăn mặc! Mười tám mà chưa đỗ Sơ học Pháp viết. Thực là mả đến ngày suy; lộc của cụ Trường chỉ đến Tuyên là hết. Hồi sinh thời, cụ Trường ông đã bao nhiêu lần đánh, đập, mồm, nói ngọt, nói sảng để hi vọng một ngày kia Khả sửa đổi tính nết trở nên người khác. Ừ! Thời đã không học được bằng các anh thì cũng tu tính lại, cụ sẽ cưới vợ cho và mở một cửa hàng gì để cho hai vợ chồng trông nom; như thế hai cụ cũng đủ sung sướng rồi, trông thấy bốn đứa con có gia đình cả, lòng gia hoan hi biết bao? Thế mà nước đổ đầu vịt, chứng nào tật ấy, Khả đã không bỏ được sự

lười biếng mà lại trở nên gian trá nữa và dăng điếm. Không biết, trong họ có ai như thế mà Khả lại có tính ưa ca cái lương Sài Gòn, ưa đánh đàn tầu và thích đội mũ lệch hằm sang một bên để lộ mó tóc mai dày và dài quá xuống đến ngang cổ họng tai. Năm mười chín Khả bỏ học, này hôm ăn cắp mó

trăm bạc, đi theo một đào hát vào Nam-kỳ. Được một tháng sau, Tiến nhận được giấy thép ở Cần-Thơ đánh ra: « Gởi tiền tầu. Khả ồm 177 đường Brusseaux ». Cụ Trường bà nghe tin con ốm vào giận vừa thương, cụ khóc; giục Tiến gửi ngay tiền cho em. Tiến phản đối bảo để cho khổ cho nó biết thân đã. Chữ động một tí cho tiền thì rồi chỉ tổ làm hại thân nó. Nhưng thế thì nói vậy chữ Tiến cũng gửi cho 5 chục. Tiến đi chứ không thấy Khả về. Một tháng sau lại một cái giấy thép, Lần này Tiến không phải lừa nữa, nhất định không trả lời. Nhưng cụ Trường khóc, thằng Khả ốm, một mình bố vợ nói đất khách quê người, ai cho nó vay tiền, ai thuốc thang cho nó, cụ dấm dãi nhớ một người cháu họ gởi tiền cho Khả. Lần này lại hơn lần trước, 100\$.

Nửa tháng sau, chỉ có nửa tháng thôi. Khả về, nhưng không dám về nhà, sợ Tiến. Khả bần tin cho mẹ. Cụ Trường bà vợ và đến. Cụ chắc là mình nhầm nhà chứ có đâu con cụ lại chui rúc vào một cái gác thấp chạm đầu, toàn mồ hôi ở một cái ngõ ghê tởm như thế. Ngạc nhiên hơn nữa, là khi cụ thấy Khả đen đi và cái áo sơ mi màu ghét vàng ở cổ không có ca-vát. Xưa nay cụ vẫn biết tính Khả làm đom, có khi Khả xin năm đồng để mua một cái ca-vát ở Gò-đa-đeo. Và cứ như thế, đòi Khả cứ đưa tiền đến trả lại hơn nữa; như một người vô ý đã trượt chân xuống dốc cao, cứ lăn mãi, lăn đến nỗi không ai lôi kéo về với sự bằng phẳng nền nhà ngay xưa nữa. Cụ Trường nhiều lần khóc, cụ Trường đã



dùng tất cả các phương pháp để mong cứu vớt được Khả. Nhưng đứa con ấy có lẽ không thể nào trở lại với gia đình được nữa; ảnh hưởng của bè bạn, của những hoàn cảnh tối tăm nơi tiệm hát, nhà chứa, sông bạc đã che trôi hết cả lương tri hẳn và không mấy khi để hẳn trông thấy ánh sáng mà trở về con đường thiện. Thằng hoặc một đôi khi thấy hẳn lang thang ngoài phố, một chiếc ô tô bóng nhoáng đi qua, một người đàn bà Annam ngồi trong đó, hẳn hồi tưởng lại cái âm cúng, cái sự sướng của một gia đình trưởng giả và lòng thấy hối hận, tiếc thời xưa. Nhưng đó chỉ là một tia chớp. Hình ảnh những đêm trác táng không mất tiền với những gái nhà chứa — vì có khi hẳn được gái bao — lại hiện lên thay vào những hối hận. Bữa mỗi, hẳn tổ ý kinh bị sự giận có kiểu hãnh của các anh. Lòng thương con ở cụ Trường bà hẳn như đã chết. Cụ đã khóc mất năm đêm liền, cái ngày mà cụ ông hấp hối trên sập, hai mắt long lanh khóc, hai mắt đỏ của người già sắp chết ngất đến đưa con bất hiếu mà giận mà thương. Bỏ chết nó cũng không biết.

Cụ ông trông thấy ba con gái, ba nàng dâu, để huê cả thảy lòng thương nhớ đưa con hăm phen nhất lại trán ngáp. Sắp chết, cụ muốn tha thứ hết cả lỗi cho đứa con út, miễn là nó về với cụ, nó đứng cạnh cụ để cụ cầm tay nó chốc lát, để lòng già đỡ tủi. Khổ! hay là nó tưởng cụ giận nó mà nó sợ không dám về. Cụ đã cho người đi tìm khắp các tiệm hát, các sòng bạc. Tiến nghĩ thương cha đã dâng báo gọi Khả về làm vẫn biệt vô âm tín. Người ta không tưởng được một ông cụ chỉ còn bộ xương, nằm dần xuống đệm, lại còn được những hàng nước mắt khóc con như thế. Cụ ông chết, cụ bà vừa thương chồng, vừa giận vừa thương con, lại cho đi tìm để may ra kịp ba ngày nó có về không? Nhưng công dạ-tràng. Và từ đó hàn nhủ cụ bà đã quên Khả đi rồi. Hay nói đại nó lưu lạc chết ở đâu rồi chẳng?

Nay vô ý bà đức Dư nhắc đến tên Khả khiến lòng già lại sôi nổi. Bà đức vội nói rằng:

— Con vội đi quên không đeo khăn quàng, tí nữa về chỉ sợ gió.

Ngoài đường mưa bay, một cái lạnh buốt khiến các thân cây như sắt lại. Trên đường nhưa lấp lánh một cái xe tay, hay một cái xe đạp đi nhanh qua, bánh vun vút chiếu xuống mặt đường bóng. Trước cửa nhà được-sĩ

Tiến ba cái ô-tô hàng một đồ nối nhau, năm sáu cái xe nhà áo hơi cánh gà che kín, không thấy cụ-lì đàn cả. Qua cửa kính cái xe hôm đó đầu, thấy người tài xế đội mũ da miêng ngậm thuốc lá, cái chằm lửa ở đầu điều thuốc lúc mờ lúc tỏ lên theo hơi đầu của người hút. Bác tài-xế lẩm bầm: « Bao giờ mới ăn xong không biết? ». Một người mặc tây từ nãy qua lại mãi phía bên kia đường, bây giờ lại thấy lẳng vẳng gần chỗ các ô-tô. Anh ta đốt hai tay vào túi quần, hai vai ẻo lết sát gáy; ánh đèn điện lủng lẳng trên cái cột dây chằng giữa hai chòm cây bên vỉa đường chiếu vào cái nấp rần của áo dăng sao lưng; áo chặt quá rúm cả nách. Một cái lỗ trắng rỗng, không biết vết vôi hay là rách để lộ áo trong, người tài-xế mắt không tỉnh nên không rõ. Có lẽ anh chàng lẳng vẳng định xoay cái gì trong ô-tô chẳng? Người tài-xế bầm coi tiện: « ơ, ơ, ư, ư! », người lái mặt quay đầu lại nhìn một lúc, lại tiến lên phía trước. Anh ta nghe nhô cổ nhìn vào nhà được-sĩ Tiến. Anh đèn điện 120 nến chiếu lóe qua dây cửa kính bên phải, ngã xuống sỏi, lên chòm cây thấp trông bên tường; anh ta quay lại, rút trong túi một mẫu thuốc lá, chỉ có một mẫu thôi, đốt lên hút; dáng điệu tự nhiên lắm. Anh ta đi lại phía ô-tô vừa có tiếng còi, ngó ngó.

— Nhìn cái gì?

Bác tài-xế cau mày hỏi.

— Ông làm ơn... tôi nhớ ông vào nhà ông Tiến thưa hộ với cụ Trưởng là mẹ ông Tiến ra có người hỏi?

Bác tài-xế cười, lầu lỉnh. Bác trưởng anh ta cho bác là ngốc lắm. Nhờ vào hỏi để ở ngoài này xoay cho dễ phải không?

— Hồi gì thì vào hỏi lấy! Đừng có lơ mơ!

— Không! Tôi nói thực, tôi... là em ông Tiến.

— Hà hà hà!

Bác tài cười ngặt nghẽo. Không hiểu sao một thằng đã đi ăn cắp mà lại ngu đến thế được. Em ông Tiến lại đứng ngoài cửa! Em ông Tiến lại ăn cắp như thằng ma-cà-bông. Bác quát.

— Cút đi! Ông đánh bố mẹ bây giờ, đừng có bịp!

— Không! Tôi là em ông Tiến, tôi là... Khả. Bác tài-xế hơi ngạc nhiên, cau mày nhìn lại, người vừa nói một cách chậm chạp hơn nữa. Bác không biết Khả là ai, và cũng không hiểu nhà ông Tiến có mấy anh em, nhưng nghe lời nói thân thiện, bác không hề nghi ngờ như trước. Bác nhỏ dũa ra ngoài, và ghé sát

vào nhìn mặt người đứng đó. Ấy là một người hơn ba mươi, có râu mép, râu cằm, râu lưng quyền lông cao; nhưng đôi mắt, vì mệt mỏi ông đôi mắt ông Tiến, một mí, hai mí, ngơ ngác như người mất hồn.

— Ông làm ơn hộ tôi, ông bảo với người nhà ông Tiến lên thưa khẽ với cụ Trưởng có nhà Khả về.

Người tài xế thấy lạ, xuống hẳn xe, rút cái chìa khóa con trong túi chìa cạnh cửa ô-tô ra, kéo các kính lên.

— Đứng đợi đây, tôi vào báo cho.

Khả, người đó chính là Khả, đứng nấp sau ô-tô thỉnh thoảng ghé cổ nhìn vào vườn.

Một lúc, thấy một bóng người dài nghêu ngao ga xuống sỏi vào cái bong ấy cử động, cái bóng ấy dài ra nữa và nhỏ lên đến tường, bấy giờ cái bóng ấy gấp thành góc, nửa người

rên lên lừng lừng, nửa người dưới vẫn nằm lại ở mặt sỏi. Cái bóng ấy cử động nữa; Khả bắt đầu vào nấp. Một tiếng nói ở; đưa đến ai Khả.

— Đản? bảo nó vào đây.

Khả rúm người lại. Vẫn cái giọng lúc nãy.

— Đưa nao hỏi gì đấy, vào trong này!

Im lặng một lúc; Khả thở dài ra, không thấy bóng người nữa. Hẳn vắng dạ. Một lúc nữa, tiếng lao xạo trên sỏi.

Khả run bần người lên. Hẳn thấy lạnh quá, kéo cổ áo lên che ngực, kéo sát vành mũ xuống trán. Một tiếng khản khản.

— A hội gì rồi đây!

Tiếng cụ Trưởng, vẫn không nhầm, vẫn cái giọng ay và nhứt vẫn chữ « hội » mà cụ không bỏ được. Cụ hơi có giọng người đường trong.

— Ai hội gì rồi, đấy?

— Bầm cụ người ta đứng kia.

Cụ Trưởng lễ độ quẹo kính ra đến tận cái hòm xe dăng sau.

Sừng sững một người đứng trước mặt. Cụ giật mình, lại lại. Một tiếng gọi:

— Me...

Cụ Trưởng run bần bật, vịn lấy thành xe.

— Me... con... Khả đấy.

Cụ Trưởng ơ lên khóc, rồi vội vàng bật tay lên miệng, ăm ư trong cổ. Cụ đi sát lại, gương hai lán lông mày, cổ nhìn vào mặt: chính phải Khả con cụ rồi. Chìa phải đưa con út bất hiểu ay. Bây giờ nó già quá, người ta không nhận được nó, nếu không có đôi mắt giống Tiến. Bây giờ nó có râu cằm, râu mép. Bây giờ trông nó tiêu tụy. Cụ Trưởng nắm lấy tay Khả, cụ khóc, nước mắt dần mà tràn ra nhiều thế, cụ nói không ra tiếng.

— Khả, con, con đã về đấy ư...! Khả con...

Cụ khóc. Những hạt mưa bụi phơi phơi xuống cả khăn tua; mấy giọt nước ở đầu rơi đập xuống những lá bàng gần đấy. Khả của cụ đã về đấy, đưa con nặng những tội, đưa con bất hiếu, ăn cắp, lừa đảo, không có danh phận, không có vợ con, không có nhà cửa, đưa con đau khổ phong trần của cụ đã về đấy. Cụ khóc, cụ khóc. Bao nhiêu những sự giận dữ tiêu tán cả, chỉ còn lòng thương, lòng thương Khả mấy năm trời dối rét. Cụ cúi cái khăn tay quàng lên cổ Khả, như khi xưa và con bé.

— Con có rét không?

Có lẽ là lần đầu tiên, hai giọng lệ chảy trên má Khả. Hân hân lòng lẽ, trong một phút hân hân lòng hân hân chỉ là lòng đứa trẻ.

— Không, mẹ à!

Cụ Trưởng mím miệng nuốt những nước mắt từ từ theo dọc mũi chạy xuống môi; cụ không để những nỗi thôn thục cái muốn bật ra thành tiếng to. Cụ sợ trong nhà nghe tiếng. Cụ sợ mọi người trông thấy Khả tiêu tụy. Cụ nhắm mắt, cầm chặt lấy cánh tay Khả, như giữ không cho đứa con ấy trốn nữa.

Và đến đây, người cầm bút xin dừng...

TÙ-THACH

BANZAI «555»

Là một thứ bậc đến, rất tiện lợi (có 12 gói, 100 1 xu đầu) — Chỉ mua có một lần (Giá 0\$20) mà dùng được mãi mãi không mòn. Không phải cần đến cây đèn, cứ thả cái bắc «B» vào một cái cốc hay cái bát, đổ nước đun sôi, hay dầu vừng, sẽ có một ngọn đèn rất sáng. Bắc không bao giờ phải thay. Cần phải gửi về 1\$, nếu muốn nhận được cái mẫu và cách thức dùng. CHUYỀN BÁN BUÔN MỖI HỘP 25 TÁ 50\$

SEUL DISTRIBUTEUR EN INDOCHINE

Đào - Thao - Côn

21 - RUE RIQUIER - HANOI

CAO HO LAO 1942

và thuốc Nhặt

RIUKAKUSAN

Tại Phòng thuốc CHỮA PHÔI mới có thêm thuốc CAO HO LAO 1942 (25\$ hộp nhỏ, 15\$ hộp con) và thuốc Nhặt RIUKAKUSAN để chữa bệnh Lao Phôi. Ai bị bệnh Lao, hoặc muốn đề phòng bệnh ấy, đến dùng thuốc tại Phòng thuốc CHỮA PHÔI đều có thể được dùng về hết ít tiền.

Phòng thuốc

Chữa Phôi

15 hàng Bè (Radeaux) Haoui — Tel. 1630

ĐẠI-Ý. — Haichong: Văn-Tân 37
Paul Doumer, Huế: Đức-Thần 57
Gia-long, Nhatrang: Hiệu sách Sơn-Hà, Ban-sét với Hiệp Hưng đường.

Cần thêm Đại-ly các tỉnh



Đông Của dạy chồng

Hồng-Phong viết theo lời cô giáo Nguyễn-thị-Nh. kể lại
Chuyện thật một thiếu nữ làm lữ, kết hôn với anh chồng dốt
mà sau cùng hóa khuyển khich chồng làm nên danh phận
(Tiếp theo)

Thì ra một bức thư dài, chính chữ nàng viết; những điều gì liệu chừng không tiện đổi mặt hé răng, nàng mượn giấy thay mặt, bắt thay lời, giải tỏ với chồng gần kề. Trong thư, với giọng ôn tồn đầm thắm, không một chữ một tiếng nào có thể khiến cho miệng nàng bực bực hết những lẽ vì sao bấy giờ chàng phải có học, vì sao cả hai vợ chồng nên đồng tâm hiệp lực để trả thù cho danh - dự, rửa nhục cho ai - tình. Sau chót là 10 khoản giao-ước đã nói với nhau hôm nọ, chàng ngồi xem thư trên một ghế đá trong vườn bách - thảo, đọc những thông thả từng khoản như sau này:

1) - Có học để một ngày rất gần, cùng sống trong cảnh về vang, không thể thì chỉ có nước cùng chết trong vùi tai tiếng nhục nhà tôi đời;
2) - Mục-dịch cổ học kỳ cho tôi để kỳ-sư thuật.

3) - Quên hẳn đời cũ, trông tư tưởng cũng như trong hành-vi.

4) - Tuyệt-giao với tất cả bạn bè vô-lại ngày trước.

5) - Xa lánh nhất thiết các cuộc xài phí, vui chơi, tụ họp, cờ bạc, trai gái.

6) - Không nên lộ ra cho một ai ở Saigon được biết mấy - may về quê quán và tung tích chúng ta.

7) - Mỗi việc nên nghe lời tôi can ngăn, khuyên bảo.

8) - Không giao thiệp hoặc làm quen một người nào trong lúc này: đừng mới ai đến nhà mình cũng như mình chẳng đến nhà ai. Làm thời sống theo cuộc đời hoàn toàn tịch mịch.

9) - Phải giữ tâm tính hết sức thành thật

10) - Kiên nhẫn, bền bỉ và kiên nhẫn.

Chàng ngồi thư mặt, nghĩ tự thân mình lúc trước giả dối, tiêu nhân, và không ngờ ở đời có một người đàn bà còn trẻ tuổi, nhà giàu, mà lại nhiều độ lượng, chịu nhẫn nại và biết mưu tính xư xướng như Minh-cầm vậy.

Buổi trưa về, nàng đón và cười hỏi:

- Thế nào, mình đã xem bức thư là ý chửa? Có khỏe nào trong 10 khoản, mình cho là quá nghiêm khắc khó chịu không?

- Ô! mình thêm giùm 10 khoản nữa, rồi cũng chịu được! chàng đáp.

- Thôi, cứ nói mấy khoản ấy mình có giữ trọn vẹn cho tôi nhờ, nay mai chắc mình làm cho tôi được về vang sang sướng lắm rồi.

Qua ngày hôm sau, nàng về Hồng-ngư một mình, về chuyển

nói đối song thân rằng trong khi chờ đợi mở ra công xướng, chồng nàng hãy tạm làm phó chủ sự ở một nhà máy kia, lương bổng tuy hơn vài trăm thôi, nhưng địa vị rất được kính nể. Bởi vậy, cần xin song thân phụ cấp cho mỗi tháng vài trăm nữa thì hai vợ chồng mới đủ sống ở đất Saigon cái quê gạo châu, khỏi tốn danh giá.

Luôn dịp, nàng xin ông cụ cho một vạn bạc để lên đặt cọc cho người ta gửi sang bên tây mua mấy thứ khí cụ cần dùng về việc chế tạo nước hoa.

Ông Châu-hồng vui mừng cho ngay, vì thấy rể con đã nên ông nên bà, và biết kinh-doanh theo như ý mình sẽ-nghị.

Với số vạn bạc ấy, Minh-cầm xoay sở buôn ma vông cầm-thạch và hột xoàn, cốt kiếm lời ít mỗi tháng một vài trăm, thêm vào hai trăm ngàn nhà trợ-cấp, có thế mới đủ duy - trì cuộc sống của hai vợ chồng ở Saigon. Cuộc sống ấy, sang tháng không thể kém số bốn trăm đồng, càng riêng khoản tiền học mà Minh-cầm chi phí cho chồng đã hết phần nửa rồi.

Chỗ kho-tâm của nàng là cỗ xeay sở bướm fiban lại cho tháng sinh lợi ra vài trăm, hầu chừng thực lời mình đã nói chồng đi làm nhà máy có lương. Còn sự lấy một vạn đặt cọc mua máy bơm tây cổ - nhiều là chuyện bịa; nàng cố mượn số vốn ấy cho nó để ra môn tiền kia.

Nhờ vợ khéo cầm - hóa, dưỡng dục, Lâm - Kiêu-Mộc có thể yên tâm chuyên chú vào việc học. Chàng tu-chí và phấn-kích, không dấy ba năm đã thu được cái kết-quả tấn tới, đáng kẻ người khác phải đi đẳng-thẳng sáu năm.

Trong thời gian-ấy, một đứa con trai ra đời hân giầu mỗi tình nhậu - nhục của Minh - cầm đối với chồng càng thêm chặt chẽ.

III. - Cô giáo Nhâm

Thằng bé Lâm-thiên-Tứ ra đời được vài tuần, thì cô giáo Nhâm dời lên Saigon, dạy lớp đồng-ân tại đường Chờ-đui.

Tòa nhà ở đường Taberl bót về tịch mịch. Cách một vài ngày thấy bóng khách lạ đến chơi một lần, ấy là cô giáo.

Có lẽ chị em thục bá với Minh-cầm, gọi ông Châu-hồng là chú. Hai người xấp xỉ một tuổi, nhưng cô giáo cao sô, ra làm nghề gõ đầu trẻ sáu bảy năm rồi, vẫn ở độc-thần. Có lẽ tại nhà cô nghèo, mà người lại kém bề nhan sắc, ngựa là thiếu cả hai điều-kiện cần dùng của một người con gái, bèo gì các cậu kén vợ không mặn gừng ghé, tranh dành.

Sinh-bình, vốn thích lạng-mạn, tự-do,

thêm có tâm-cơ sâu sắc, miệng lưỡi lăm lăm, nổi tiếng là « gái mới » thứ nhất trong họ. Nên biết ở vào thời-kỳ nê-lưu ta vừa mới bắt đầu tiến hóa cái cách, người ta gia cho con nà cái tiếng « gái mới » nghĩa là cô ấy chơi giỏi lỏm lết, phóng túng, không biết làm nghề gì, không còn biết trọng lễ-giao ông bà, không kể đến đư- luân khèn chế độ-nghị.

Thành ra, tuy chỗ chị em, xưa nay Minh-cầm đối với cô vẫn có ý kính sợ mà tránh xa, không thường mặt mà, thân cận. Chừng có là một người chị con nhà bác làm ở Saigon dạy học mà phải tự-triêng nơi khác; nàng có nhà ở rộng rãi, liệu chừng để có giáo ở chung thì bất quá thêm đôi thêm bát, có chột chột lỗ lỗ gì đâu, nhưng này không muốn thế.

Ta nên hiểu giùm nàng bản-tâm không wa có giáo hay thục mắc đư sự; huống gì nàng lại có tình-cảnh riêng như ta đây, không tiện để một người khác cùng ở chung một mái nhà với mình, mặc dù bà còn họ hàng. Mà càng là bà con họ hàng, lại càng phải giữ kẽ.

Cô giáo lấy làm bất-mãn về chỗ ấy, nhất là trong thấy nhà của Minh-cầm ở mát mẻ, rộng rãi, sang trọng, từng trên từng dưới, mà chỉ có hai vợ chồng với thằng con mới đẻ, và hai con ở khách, mà một con tối nào dọn dẹp xong ổng về nhà riêng nó.

- Di để tôi ở đây cho vui về, không được hay sao? Hay là sợ tôi không có tiền trả chửa? Cô giáo nói kháy, tỏ ý hơn mạt.

- Không phải thế, chị ạ! Minh-cầm đáp.

Nếu chị ở đây thế nào chẳng có các ông giáo đồng liên tới lui thăm viếng, em chỉ sợ em quá mà thất thế trong sự ăn nết đối đàng, rồi họ cười lấy đóm chơi thôi. Thì chị cứ thế riêng một chỗ ở cho thông thả tự-re, khi nào có sự cần dùng, em sẵn lòng giúp đỡ.

- Thôi, chị cảm ơn em. Tưởng chỗ bà con

Á-CHÂU-ẤN-CỤC MỘT PHÁT HÀNH HAI CUỐN SÁCH-VÔ CÙNG GIÁ-TRỊ:

1) Một gia - đình giữa hai thế - kỷ

Cực tả những cảnh eo-le, khuất-khuê của những tâm hồn sống phân-vân giữa hai thời-đại, giữa lúc giao-thời MỚI và CŨ. Người đọc sẽ thấy lòng mình xúc-dộng, thấm-thía và không ngớt lời ca tụng tác-giả THIẾU-QUANG, một cây bút phê-bình giá-trị nhất hiện thời đã đem hết công phu, tâm hồn, nghệ thuật và từng trải ở đời ra viết cuốn sách này.

Sách in rất đẹp. 200 trang chữ nhỏ, nhiều chữ bìa 400 trang chữ thường. Giá 0980.

2) Vụ án mạng không có thủ-phạm

của NGÔ-VĂN-TY (tác-giả NGUYỄN NHAN TRẮNG và ĐẶNG-BI-MẬT).
Cuốn sách trình-tham vi-dại nhất từ xưa tới nay, rất bí-mật, li-ký ngoài sức tưởng-tượng của người đời.
Gần 250 trang - Bìa in ảnh rất đẹp - Giá đặc-biệt 1500.

Thư, mandat gửi: Á-Châu xuất bản sục, 17 Emile Nolly - Hanoi

thần thích, muốn chùng đặng nhà cửa cho vai, nhưng em vì có «lẽ riêng» không muốn chứa chị trong nhà thì chị tìm nơi khác cũng được.

Có nói dần hai tiếng «lẽ riêng» làm Minh-cầm cảm-giác khó chịu.

Nhưng cô khôn khéo, chuyển ngay sang chuyện vui vẻ, ôn tồn, để giữ lấy hòa-khí giữa chị em và che đậy chỗ bất-như-y.

Từ đây, cô thuê nhà riêng ở gần đường Bourdais, song cứ một vài ngày lại phổ Taberd chơi một lần, có vẻ ân cần, âu yếm. Cái cử chỉ ấy, động cơ bởi tình bà con thì ít, bởi cô tìm-tám quây rối «trị an» của gia-đình người ta thì nhiều.

Không ai quên cô giáo Nhâm đã đóng vai tuồng một trong hai người hộ vệ Minh-cầm đi ra Phú-quốc để đón chồng nàng về.

Cô vẫn định nín trong việc ấy tất cả một nguyên-do bí-mật. Nhất là mấy lời ông đạo-sĩ Cao-miền trên núi Talon đã yên ủi Minh-cầm một cách bông bầy, cô có nghe và còn chón trong trí như. Thế mà rồi Minh-cầm giãi biệt chân-lương không ngờ thật với cô, chỉ nơi qua loa rằng Đôn-hùng-Tin thấy sự trùng tên lầm tưởng chồng nàng là kẻ thù của và hồi trước, nên va bắt đi, chủ tâm báo cừu tuyết hận; nhưng từ từ biết mình lầm, va ân cần xin lỗi và săn sóc chàng nữ tể cho đến hôm có gia-nhân tới đón.

Cải lý-thuyết ấy không thể làm thỏa mãn lòng cầu biết của một người nhiều tâm-cơ mưu mẹo như cô giáo Nhâm. Cô từng gài bẫy mẹo mực để gạn hỏi chú hương Tâm hôm cùng ở Phú-quốc về, nhưng chú lắc đầu trả lời không biết, hay là chú biết mà để bụng không nói.

Từ đó cô thường để tâm suy nghĩ dò xét, may ra lần được manh mối.

Lúc còn trợ-giáo ở trường nữ-học Sóc-trang, cô lần có may mò giao thiệp với một tên anh chỉ du-côn, nghe đồn là tay sai của Đôn-hùng-Tin. Đến nỗi mời nó ăn, cho nó tiền, cốt để la duyên có Lã-m-kieu-Mặc bị bắt cóc năm trước.

Kỳ thật tên anh chỉ này chẳng biết gì hết, để tưởng cũng không nghe có vụ rắc rối kia nữa. Song muốn cho trời bừa chến, nhất là môn tiền, nó trả lời xuôi chuyện rằng duyên có chỉ tại một việc tình. Trăm việc lỗi thời ở đời xảy ra, cho tới đâm chém, kiện thưa, ăn mạng, vu-hãm, chẳng phải hết chín mươi chín việc có nhân-tình nữ-sắc bên trong đây ư? Chẳng riêng ở xứ mình, dù ở xứ nào cũng thế. Bên tây, mỗi khi có vụ nhân-mạng phát xuất, người ta thường nói: «Cherchez la femme», nghĩa là cứ tìm con đàn bà thì ra manh mối.



Bấy giờ cô giáo Nhâm mới vận dụng trí khôn, chấp nhận từng manh mối thông-tường, cân nhắc từng điều ước-đoán, rồi tự soạn ra tập hồ-sơ Kieu-mặc như sau đây, mà có chắc hẳn là đúng:

— «Anh chàng lúc còn là học trò hàn-vi, trông thấy nhà người ta có một thiếu-nữ — ví dụ có X. — xinh đẹp dễ thương, bèn thả chất tiếng kèn động quyền ra ve vãn cám dỗ nàng. Thế-nghuyên những một tình tình si, trăm năm gần bó. Nàng có tìm xiêm lòng, không bao lâu khỏi tình-mơng-màng, kết quả (tổng ra một đứa con. Nàng căm-rằng bị ép «đặng cả những roi vọt của mẹ cha, búa rìu

«của dư-luận, một lòng tin cậy nơi tương lai mà người tình đã cam đoan, hẹn ước.

«Không ngờ đến lúc chàng đồ đạt thành «danh, lại danh lòng được cả quên dăng, có «trông quẩn đến, bỏ nàng và đưa con thơ, đi «chạy cho được con ông Châu-hồng là gái con «một, nhà giàu ức vạn.

«Phụ tình án đã rõ ràng.

«Cô X. ấy có lẽ dính dấp bực con gái với Đôn-hùng-Tin, cho nên va lập mưu bắt kẻ bạc-tình để trừng trị cho bỏ ghét. Hoặc là con «một nhà-lễ-nghĩa tử tể, không thể chịu được «được cái nhục ấy, cho nên xuất tiền thuê «Đôn-hùng-Tin hành-phạt, để báo thù cho «danh-giá nhà họ không chừng.»

Thờ-ơ làm sao giữa trong hồi ấy, ở vùng Đôn-ngãi tỉnh Sóc-trang, vừa xảy ra chuyện «thảm-thương một người thiếu-phụ, dòng dõi «trăm anh, âm đưa con bé, nhẩy xuống sông tự-tử. Khi người ta vớt xác lên, hai mẹ con vẫn ôm chặt lấy nhau. Đầu đuôi tấn kịch bí-thầm này chỉ chỉ vì tình-phụ. Trong bức thư tuyệt-mạng có câu: «Mẹ con tôi đau khổ quá, không muốn sống nữa. Thôi, để cho kẻ bạc-tình kia tự hổ vơ lương tâm và con người ham danh ý giã, đặng tay cướp sống hạnh phúc chồng con của người ta kia, thử xem rồi có ăn đời ở kiếp với nhau được không...»

Cô giáo Nhâm ráp ngay việc thực hiện này với chuyện mình ước-đoán, tự nói lầm lẫn một mình:

— «Bích-thị có X. đó rồi, chứ còn ai nữa!

(còn nữa)

HỒNG-PHONG

ĐÃ CÓ BẢN:

BUT NGHIỆN

tiểu thuyết của CHU-THIÊN

Toàn những tài liệu rất quý về đời di học, di thi, đồ đạt của các nhà nho sĩ ngày xưa

Dày 400 trang, giá 2 \$00

Mua một cuốn gửi tiền về trước cả cước phí 2\$00 + 0\$60 = 2\$60

HÀN-THUYỀN, 71 phố Tiến-Tsin, Hanoi

ĐÃ CÓ BẢN:

Nhi - Đồng Họa - Bào

Số 1 - Giá 15 xu

Đồng xu kẻ chuyện mình

của Vũ-trọng-Cam

CÁC BẠN NHỚ ĐÓN XEM:

NHI-ĐỒNG HỌA-BẢN SỐ 2

Người giả người lột

của T. H. Trần

Éditions KIÊN - THIẾT

4 bis, Bd. Bognais Desbordes Hanoi, Tél. 308

Hai cuốn sách sẽ có bản ngày 1er Juin 1942

Bóng hạnh-phúc

Cuốn thứ hai của Lê-văn Trương — Giá Op60

A' muốn hưởng hạnh phúc hoàn toàn, A' đã vì lầm lỡ mà làm tan nát hạnh phúc của mình,

A' muốn gầy lại hạnh-phúc, Đều nên có cuốn Bóng hạnh-phúc, truyện dài tâm-ly của Lê-văn-Trương.



Con chuột mù

Sách Hoa Mai số 15 của Lưu-Hiến — Giá Op10

Đó là một truyện đã xảy ra ở gia-đình chuột, cũng như ở nhiều gia-đình Việt-Nam, mà cha mẹ già bị bạc-dãi. Truyện rất thương tâm, rất cảm-động.

Nhà xuất-bản CỘNG LỰC 9 Takou Hanoi

**Hãy đổi cho được mấy thứ sách
giá trị của nhà xuất-bản**

Hương Sơn

Tân Đà Tân Văn, văn xuôi của Tân-đà . 0\$90
Mộng và thực, tiểu-thuyết mới của Giao-Chi . 0\$45
Nàng, tiểu-thuyết lý tưởng của Lan-Khai . 0\$60
Tình và máu, truyện đường rừng của Lan-Khai . 0\$60
Không nhan sắc, tiểu-thuyết của Nguyễn-Bình . 0\$38
Người giết chồng tôi, truyện thực của Tô-Thạch . 0\$35
Lỡ bước s-ng ngang, thơ của Nguyễn-Bình . 0\$70

Thơ và mandat đề tên ông :
Nguyễn-mạnh-Bồng, 97 phố hàng Bông,
Hanoi, ở xa thêm cước phí

CÁC BÀ SANG TRỌNG KHEN

Phấn Murat

THƠM NHẹ NHUYỄN DỄ DỜI

Lâu phai, đứng ngang hàng các
h ọ phấn danh tiếng ngoại quốc
Có thứ hương, trắng và da
người. Bán khắp nơi. Hộp 1\$20

MUA SỈ DO :

Etablissements **VẠN - HÓA**
số 8 phố Hàng Ngang, Hanoi

NÊN HÚT THUỐC LÁ

Bastos

**NGON
THƠM**

MỖI GÓI 0\$15

Nhiều bạn gái ngày nay, tự nhận
là gái mới, không biết trong trình
tiết, mơ ước những truyện
quá đáng, xin hãy đọc ngay

**Nhân cách phụ-nữ
Việt-Nam hiện-dại**

để sửa mình thành một người
đàn bà Việt-Nam có nhân-sách
cho bạn trai khỏi chê cười

Mỗi cuốn 0\$50 - Mua Cí Ri hết 1\$50
Ở xa mua xin gửi 0\$83 cả cước về cho :

NHÀ IN MẠI-LINH HANOI

**Bốn môn thuốc bổ cần thiết cho
Nam, phụ, lão, ấu, hàng ngày.**

- 1) Thuốc Bổ-thận Đức-phong 1\$50
- 2) Thuốc Đại-bổ Đức-phong 1,50
- 3) Thuốc Điền-kinh Bồ-huyệt 1,20
- 4) Thuốc Bồ tử tiên cam . . . 1,00

do nhà thuốc tường đồ

Đức-Phong

phát hành

Một hiệu thuốc tin-nhiệm, có bốn cuốn bán 12 đã
thuốc s- g, thuốc bảo chế và các thứ năm chính hiệu.

45, Phố Phúc-kiến - Hanoi

**TIẾNG ANH
CHO NGƯỜI
VIỆT - NAM**

của NGUYỄN-KHẮC KHAM
cử-nhiên vào-chương và
lu -khoa tốt-nghiệp Anh
văn tại đại học đường Paris

CUỐN THỨ NHẤT. - Mèo Anh và
bà thực hành giấy 100 trang, giá 0\$55.
CUỐN THỨ HAI. - « Anh, Pháp, Việt
hội thoại » giấy 100 trang, giá 0\$40.

Thư m tiền cước gửi (\$40. Thư và mandat xin đề :

M. NGUYỄN - KHẮC - KHAM

36 Bd. Henri d'Orléans, Hanoi - Tél. 266
Boite postale 24

VIỆT-NAM ĐỒNG-BẢO

chỉ hức

THUỐC LÃO ĐỒNG-LĨNH

336. Đuờ Cửa Nam - Hanoi

Vừa rẻ vừa ngon! Ở xa mua theo lối linh-hóa giao-ngân



HOA MAIPHONG

biểu hiệu về đẹp quý phái. Hiếm
may có tiếng nhất của bạn gái.
N° 7 Hàng Quạt - Hanoi

CÁC NGÀI HẸY ĐỒNG

Phấn-trị

Đồng - dương

(GRAVITE INDOCHINOIS)

Mô « Hélène chi I », « Hélène
chi II », « Hélène chi III ».

PHỐ LU - LAOKAY

Đã được công nhận
là tốt không kém gì
của ngoại quốc
công việc cần thận.
Gửi nhanh chóng
khắp Đông-dương.

Sở giao dịch

E° TRỊNH - DINH - NHỊ

123A. Avenue Paul Doumer

Haiphong - Ad. Tél. AN-

NHI - Haiphong Tél. 707

Cần đại-lý khắp Đông-dương.

Ed. Hédemadair du Trung-Bac Tân-Van N°
Imprimé chez Trung-Bac Tân-Van
36, B. J. Henry d'Orléans - Hanoi
Certifié par l'Administration
Type 1 - 1930
L'Administration du Reg. d'Ind. d'Hyg.

MUÔN CÓ HÀM RẠNG ĐẸP



ta hãy
đánh răng bằng

**savon
DENTIFRICE**

KOLON

**DÉPOT GENERAL POUR L'INDOCHINE:
323. RUE DES MARINS. CHOLON.**

AGENCES :

Ets TÙ-SƠN à Phanrang
Ets TONSONCƠ 146, Espagne - Saigon
M. LÊ NGỌC-CHÂN, Rue Saliceti VINHLONG
Tổng phát-hành ở Bắc-kỳ:
M. UÔNG TỶ N° 45 Lamblot, HANOI

FODA
Hồng - Khê

là một thứ phấn chế riêng
để thoa mặt mỗi khi tắm
dầu song rất thơm mát. Có
bệnh hơi nách thoa một lần
khỏi ngay. Mỗi hộp 0\$20.

BÁN TẠI

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

75 Hàng Bỏ - 88 phố Huế Hanoi
và đại lý các tỉnh

Maitre Huyền-Minh

Các ngài muốn rõ: Tinh duyên,
Vạn hạnh, Tương-lai, dĩ vãng,
mở mắt, kẻ thù, sang, hèn của
minh ra s-o, xin biên ngày
ngay tháng giờ đ-đ, và tên tuổi
cho Maitre Huyền-Minh ha-
chữ ký và tuổi, kèm theo man-
dat 1\$0. Thư và mandat đề

MAITRE HUYEN - MINH
13 Route de Hué - Hanoi
xin lại nhà giá riêng.



Bội tỉnh bạc

HỘI-CHỢ HANOI 1941

MŨ IMPERIAL

ĐẸP, NHẹ, BỀN, LỊCH-SỰ

DÙNG ĐƯỢC TỬ THỜI

đại-lý độc quyền :

TAMDA et Cie 72, Rue Wiclé HANOI
Téléphone 18-78

Cần thêm nh-đu đại-lý các tỉnh,
gửi 0\$0 lem về lấy catalogue
illustré 1942 gratuit